

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  
**KHOA GIÁO DỤC**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN  
ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**  
**MÃ NGÀNH: 7140206**

**Nghệ An, 06/2021**

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	2
DANH MỤC BẢNG .....	3
DANH MỤC HÌNH.....	5
I. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA .....	6
1.1. Mục đích khảo sát.....	6
1.2. Phương pháp khảo sát.....	6
1.3. Nội dung khảo sát .....	6
1.3.1. Mục tiêu chương trình đào tạo.....	6
1.3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.....	7
1.4. Đối tượng khảo sát.....	13
1.5. Các cấp độ đánh giá.....	13
II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA .....	14
2.1. Thông tin về đối tượng được khảo sát.....	14
2.1.1. Thông tin vị trí công tác của đối tượng khảo sát .....	14
2.1.2. Giới tính của đối tượng khảo sát.....	15
2.2. Phân tích kết quả khảo sát .....	15
2.2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo .....	15
2.2.2. Nhóm Chuẩn đầu ra về kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH.....	16
2.2.3. Nhóm Chuẩn đầu ra về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp.....	27
2.2.4. Nhóm Chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp.....	46
2.2.5. Nhóm Chuẩn đầu ra về năng lực thực hành nghề nghiệp.....	53
2.2.6. Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được CĐR CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học .....	65
2.2.7. Mức độ sẵn sàng tham gia vào quá trình đào tạo ngành GDTH của các bên liên quan.....	66
III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT .....	68
PHỤ LỤC .....	69
Phụ lục 1. Mẫu phiếu khảo sát dành cho Lãnh đạo Sở GDĐT/Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông .....	69
Phụ lục 2. Chuyên viên Sở GDĐT/Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn.....	69
Phụ lục 3. Giáo viên cốt cán, Giáo viên .....	69
Phụ lục 4. Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia.....	69
Phụ lục 5. Cựu sinh viên.....	69
Phụ lục 6. Sinh viên.....	69

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Chuẩn đầu ra cấp độ 3 chương trình đào tạo .....	7
Bảng 2. Đối tượng tham gia trả lời khảo sát.....	13
Bảng 3. Các cấp độ đánh giá cho từng nội dung khảo sát.....	13
Bảng 4. Số liệu về vị trí công tác của đối tượng tham gia trả lời khảo sát.....	14
Bảng 5. Số liệu về giới tính của đối tượng khảo sát.....	15
Bảng 6. Số liệu về đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo .....	15
Bảng 7. Số liệu đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5).....	17
Bảng 8. Đánh giá về mức độ thành thạo hiện đạt được của CĐR nhóm I .....	19
Bảng 9. Đánh giá về mức độ thành thạo cần đạt được của nhóm CĐR về kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH.....	22
Bảng 10. So sánh mức độ hiện đạt được và mức độ cần đạt được của nhóm CĐR về kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH theo kết quả khảo sát trung bình của các nhóm đối tượng.....	24
Bảng 11. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của nhóm CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp .....	27
Bảng 12. Mức độ năng lực hiện đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát .....	33
Bảng 13. Mức độ năng lực cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát .....	38
Bảng 14. So sánh mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp theo kết quả khảo sát.....	43
Bảng 15. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của nhóm CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp .....	46
Bảng 16. Mức độ năng lực hiện đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát .....	48
Bảng 17. Mức độ năng lực cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát.....	50
Bảng 18. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của nhóm CĐR về năng lực thực hành nghề nghiệp.....	53
Bảng 19. Mức độ năng lực hiện đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về năng lực thực hành nghề nghiệp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát .....	57
Bảng 20. Mức độ năng lực cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về năng lực thực hành nghề nghiệp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát .....	60

Bảng 21. So sánh mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về năng lực thực hành nghề nghiệp theo kết quả khảo sát.....	63
Bảng 22. Các hình thức, PPDH được đề xuất tổng hợp từ kết quả trả lời khảo sát .....	65
Bảng 23. Đề xuất điều chỉnh các nội dung trong PPDH tổng hợp từ kết quả trả lời khảo sát.....	65
Bảng 24. Mức độ và các hoạt động tham gia vào quá trình đào tạo ngành GDTH của nhóm đối tượng được khảo sát .....	66

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Biểu đồ phân bố vị trí công tác của đối tượng khảo sát .....	14
Hình 2. Biểu đồ tỷ lệ đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo .....	16
Hình 3. Mức độ cần thiết theo giá trị trung bình của từng CĐR về Kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH theo kết quả khảo sát các đối tượng (sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao).....	19
Hình 4. So sánh mức độ hiện đạt được và mức độ cần đạt được của nhóm CĐR về kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH theo kết quả khảo sát trung bình của các đối tượng.....	26
Hình 5. Mức độ cần thiết của nhóm CĐR về kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp theo giá trị trung bình của kết quả trả lời khảo sát (sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao).....	32
Hình 6. Biểu đồ so sánh mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát trên 06 đối tượng.....	45
Hình 7. Mức độ cần thiết của nhóm CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp theo giá trị trung bình các kết quả trả lời khảo sát (sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao) ..	47
Hình 8. Biểu đồ so sánh mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát trên 06 đối tượng .....	52
Hình 9. Mức độ cần thiết của nhóm CĐR năng lực thực hành nghề nghiệp theo giá trị trung bình các kết quả trả lời khảo sát (sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao).....	56
Hình 10. Biểu đồ so sánh mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về năng lực thực hành nghề nghiệp (sắp xếp theo chiều tăng dần về mức chênh lệch giữa mức độ hiện đạt và mức độ cần đạt) .....	64
Hình 11. Biểu đồ mô tả các giải pháp được đề xuất điều chỉnh trong PPDH .....	66
Hình 12. Biểu đồ mô tả mức độ và các hoạt động tham gia vào quá trình đào tạo ngành GDTH của nhóm đối tượng được khảo sát .....	67

# I. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

## 1.1. Mục đích khảo sát

Kể từ khóa 58, trường Đại học Vinh đã áp dụng hình thức đào tạo theo tiếp cận CDIO đối với đối tượng sinh viên chính quy. Sau giai đoạn bốn năm đầu tiên, kết thúc một khóa đào tạo, ngành Giáo dục Tiểu học triển khai điều chỉnh chương trình đào tạo (CTĐT) nhằm mục đích cải tiến chương trình theo hướng gắn liền với yêu cầu thực tiễn, đặt trọng tâm vào việc hình thành và phát triển các năng lực nghề nghiệp thiết yếu cho người học. Việc khảo sát mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT dựa trên lấy ý kiến các bên liên quan là bước đầu tiên trong quá trình điều chỉnh chương trình cho giai đoạn mới.

## 1.2. Phương pháp khảo sát

Khảo sát trực tuyến thông qua website tuyển sinh của trường ĐH Vinh tại đường link: <http://khaosat.vinhuni.edu.vn/khaosat/?n=7140202>

## 1.3. Nội dung khảo sát

### 1.3.1. Mục tiêu chương trình đào tạo

#### Mục tiêu tổng quát

Chương trình cử nhân giáo dục tiểu học đào tạo sinh viên tốt nghiệp trở thành những công dân tự chủ và có trách nhiệm xã hội; những nhà giáo dục với các phẩm chất và năng lực cần thiết để sẵn sàng làm việc trong môi trường giáo dục tiểu học; có năng lực giao tiếp, hợp tác và sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và giao tiếp (ICT) vào phục vụ các hoạt động nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học và phát triển bản thân nhằm thích ứng với sự đổi mới của giáo dục tiểu học; có khả năng hình thành ý tưởng – lập kế hoạch – thực hiện và đánh giá các hoạt động giáo dục và dạy học trong mọi bối cảnh nhà trường và xã hội.

#### Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học có khả năng:

**Mục tiêu 1:** Có hiểu biết nền tảng về khoa học tự nhiên - xã hội, về chính trị và pháp luật, văn hoá và xã hội Việt Nam; có kiến thức cốt lõi về hoạt động giáo dục và dạy học ở tiểu học; có kiến thức lí thuyết và thực tế vững chắc về chương trình giáo dục tiểu học hiện hành;

**Mục tiêu 2:** Có phẩm chất chính trị, trách nhiệm công dân, đạo đức và phẩm chất nghề nghiệp; có năng lực dạy học và giáo dục và đánh giá học sinh tiểu học trong những môi trường giáo dục khác nhau; có năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp nhằm thích ứng với sự thay đổi của môi trường giáo dục tiểu học; có năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo và năng lực công nghệ thông tin và giao tiếp (ICT) nhằm đề xuất các giải pháp giáo dục mới hoặc xây dựng môi trường học tập tích cực cho học sinh tiểu học;

**Mục tiêu 3:** Có năng lực giao tiếp, giao tiếp bằng ngoại ngữ, và hợp tác hiệu quả với các cá nhân và tổ chức xã hội trong các hoạt động nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh tiểu học, nghiên cứu khoa học và phát triển nghề nghiệp;

**Mục tiêu 4:** Có năng lực hình thành ý tưởng – lập kế hoạch – thực hiện - đánh giá chương trình, kế hoạch, và các hoạt động giáo dục, dạy học học sinh tiểu học trong mọi bối cảnh giáo dục khác nhau của nhà trường và xã hội.

### 1.3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

*Bảng 1. Chuẩn đầu ra cấp độ 3 chương trình đào tạo*

TT	CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
<b>NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	
<b>CĐR 1.1</b>	<b>Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị và pháp luật, văn hoá và xã hội Việt Nam vào các hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống</b>
1.1.1.	Áp dụng được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam vào các hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.
1.1.2.	Áp dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, an ninh-quốc phòng, và văn hoá và xã hội Việt Nam vào các hoạt động phát triển thể chất, xã hội và tinh thần cho học sinh tiểu học.
1.1.3.	Áp dụng được kiến thức cơ bản về môi trường, dân số, giáo dục thể chất, y tế học đường vào các hoạt động phát triển thể chất, xã hội và tinh thần cho học sinh tiểu học
<b>CĐR 1.2</b>	<b>Vận dụng linh hoạt những kiến thức nghiệp vụ cốt lõi về khoa học giáo dục, toán học, khoa học và công nghệ cũng như năng lực (ICT) vào hoạt động nghề nghiệp và phát triển chuyên môn.</b>
1.2.1.	Vận dụng được kiến thức nền tảng và chuyên sâu của khoa học tâm lý - giáo dục vào tìm hiểu học sinh tiểu học và xây dựng môi trường giáo dục tích cực
1.2.2.	Vận dụng được kiến thức lí thuyết về lí luận dạy học và giáo dục hiện đại vào các hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh tiểu học
1.2.3.	Vận dụng được kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên-xã hội, và công nghệ vào hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh tiểu học, đồng thời tự phát triển nghề nghiệp;
1.2.4.	Sử dụng được công nghệ thông tin và giao tiếp (ICT) trong giáo dục và dạy học để mở rộng các cơ hội phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học, và tự phát triển nghề nghiệp;

TT	<b>CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>
<b>CĐR 1.3.</b>	<b>Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn về chương trình giáo dục tiểu học hiện hành và kiến thức thực tiễn về phương pháp, phương tiện dạy học các môn học vào các hoạt động dạy học và giáo dục</b>
1.3.1.	Vận dụng được kiến thức toán học và các chiến lược dạy học toán để phát triển năng lực toán học cho học sinh tiểu học
1.3.2.	Vận dụng được kiến thức ngữ văn và các chiến lược dạy học ngữ văn để phát triển phẩm chất, năng lực ngôn ngữ cho học sinh tiểu học
1.3.3.	Vận dụng được kiến thức khoa học tự nhiên – xã hội và các chiến lược dạy học tự nhiên-xã hội để phát triển phẩm chất, năng lực tìm hiểu về tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học
1.3.4.	Vận dụng được kiến thức thuộc lĩnh vực nghệ thuật, công nghệ và các chiến lược dạy học tương ứng để phát triển các phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học
<b>NHÓM 2. NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>CĐR 2.1.</b>	<b>Thể hiện được trách nhiệm công dân và phẩm chất chuẩn mực của một nhà giáo dục</b>
2.1.1	Có phẩm chất chính trị, có trách nhiệm công dân và dành sự quan tâm đặc biệt đến sự phát triển của thế hệ trẻ;
2.1.2	Thể hiện cách hành xử chuyên nghiệp, có đạo đức và phong cách chuẩn mực của một nhà giáo dục.
<b>CĐR 2.2</b>	<b>Thể hiện được năng lực lập luận sư phạm và giải quyết vấn đề, năng lực khám phá tri thức, và năng lực phản biện trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>
2.2.1.	Năng lực lập luận và giải quyết vấn đề giáo dục tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp thể hiện được khả năng đề xuất và thực hiện các giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học
2.2.2.	Năng lực khám phá tri thức: Sinh viên tốt nghiệp có thể hình thành – kiểm tra và bảo vệ giả thuyết do mình đề xuất; có khả năng tìm kiếm và sử dụng các tài liệu in, tài liệu điện tử phục vụ cho thực tiễn công việc
2.2.3.	Năng lực phản biện: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng đặt câu hỏi một cách liên tục và hệ thống về công việc của mình như là một giáo viên và điều chỉnh hành động khi cần thiết

TT	CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
<b>CDR 2.3</b>	<b>Thể hiện những phẩm chất và năng lực cá nhân gồm: Khả năng kiên trì và linh hoạt; tư duy sáng tạo; khả năng tự nhận thức và tự học; năng lực quản lí thời gian và nguồn lực</b>
2.3.1.	Sự kiên trì và linh hoạt: Sinh viên tốt nghiệp thể hiện sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; có sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; có khả năng chịu được áp lực trong công việc, đồng thời sẵn sàng để làm việc với những người khác và chấp nhận những quan điểm khác nhau; biết chấp nhận những chỉ trích và phản hồi tích cực cũng như biết cân bằng giữa cuộc sống cá nhân và công việc.
2.3.2.	Tư duy sáng tạo: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tiếp cận thực tiễn giáo dục và dạy học của bản thân từ những quan điểm khác nhau để thích nghi với sự đổi mới của môi trường giáo dục
2.3.3.	Năng lực quản lí thời gian và nguồn lực: Sinh viên tốt nghiệp có thể xác định được tầm quan trọng, tính cấp thiết và thứ tự ưu tiên trong việc thực hiện và chấp hành các nhiệm vụ trong thực tiễn công việc
<b>CDR 2.4</b>	<b>Thể hiện được năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục tiểu học như: năng lực tìm hiểu người học và xây dựng môi trường giáo dục; năng lực giáo dục, dạy học và đánh giá người học; năng lực thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp.</b>
2.4.1.	Thể hiện được năng lực tìm hiểu người học và xây dựng môi trường giáo dục: Sinh viên tốt nghiệp xác định được các đặc điểm nhận thức và tâm-sinh lí lứa tuổi của học sinh tiểu học và môi trường giáo dục học để từ đó vận dụng những hiểu biết này vào các hoạt động giáo dục và dạy học
2.4.2.	Thể hiện năng lực giáo dục học sinh tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có thể thiết kế, tổ chức và thực hiện hoạt động giáo dục một cách hiệu quả và phù hợp với bối cảnh thực tiễn nhằm phát triển các phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học
2.4.3.	Thể hiện năng lực dạy học các môn học ở tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có thể nghiên cứu, thiết kế và tổ chức thực hiện thành thạo và hiệu quả hoạt động dạy học cũng như có khả năng phát triển chương trình các môn học ở tiểu học
2.4.4	Thể hiện năng lực đánh giá học sinh tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng thiết kế và tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động nhằm đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh tiểu học, đồng thời sử dụng được kết quả đánh giá để nâng cao chất lượng học tập của học sinh.

TT	<b>CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>
2.4.5	Thể hiện năng lực thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp tự đánh giá được năng lực bản thân trước những yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp và tự học để nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được những sự đổi mới trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.
<b>NHÓM 3. NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ LÀM VIỆC NHÓM</b>	
<b>CĐR 3.1</b>	<b>Thể hiện được năng lực giao tiếp phù hợp, tự tin khi tương tác với các lực lượng giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn hoặc bằng ngoại ngữ trong những bối cảnh giáo dục tiểu học khác nhau</b>
3.1.1.	Lựa chọn và thực hiện được những chiến lược giao tiếp phù hợp, hiệu quả và tự tin trước những thành phần giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn
3.1.2.	Sử dụng thành thạo các hình thức giao tiếp bằng văn bản, lời nói, giao tiếp điện tử và đa phương thức trong các hoạt động nghề nghiệp
3.1.3	Sử dụng được tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong các hoạt động nghề nghiệp
<b>CĐR 3.2</b>	<b>Thể hiện khả năng hợp tác có mục đích, có tính xây dựng với đồng nghiệp và các thành phần giáo dục khác trong các hoạt động nghề nghiệp và phát triển chuyên môn</b>
3.2.1.	Thể hiện năng lực tổ chức và vận hành các nhóm công việc phục vụ mục đích phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học và nghề nghiệp bản thân.
3.2.2.	Thể hiện năng lực lãnh đạo và phát triển các nhóm công việc vào các hoạt động liên quan đến việc phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, và phát triển năng lực nghề nghiệp.
<b>NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP</b>	
<b>CĐR 4.1</b>	<b>Nhận thức được mối liên hệ giữa bối cảnh xã hội và bên ngoài đối với cấp giáo dục tiểu học</b>
4.1.1.	Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục học sinh tiểu học;
4.1.2.	Phân tích được tác động của giáo dục tiểu học đến xã hội
4.1.3.	Xác định được những quy định của xã hội đối với giáo dục tiểu học
4.1.4.	Xác định được bối cảnh văn hoá và lịch sử liên quan đến giáo dục tiểu học;

TT	<b>CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>
<b>CĐR 4.2.</b>	<b>Xác định được bối cảnh nhà trường tiểu học để phục vụ các hoạt động nghề nghiệp</b>
4.2.1.	Xác định được sự khác biệt văn hoá nhà trường trong các trường tiểu học;
4.2.2.	Xác định được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hoạt động của nhà trường tiểu học
4.2.3.	Làm việc thành công trong các tổ chức giáo dục
<b>CĐR 4.3</b>	<b>Thể hiện khả năng hình thành ý tưởng trong thực tiễn hoạt động phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học</b>
4.3.1.	Thiết lập được hệ thống các mục tiêu và yêu cầu của nhiệm vụ trong thực tiễn công việc
4.3.2.	Xác định được chức năng, nguyên tắc và cấu trúc của nhiệm vụ trong thực tiễn công việc
4.3.3.	Mô hình hoá được hệ thống và đảm bảo tính khả thi của mục tiêu nhiệm vụ
<b>CĐR 4.4</b>	<b>Thể hiện khả năng thiết kế/lập kế hoạch trong thực tiễn hoạt động phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học</b>
4.4.1.	Xây dựng được quy trình thiết kế/lập kế hoạch và cách tiếp cận cho nhiệm vụ thực tiễn
4.4.2.	Lựa chọn được kiến thức cần thiết phục vụ cho việc thiết kế/lập kế hoạch cho nhiệm vụ
4.4.3.	Thiết kế/lập kế hoạch được nhiệm vụ đơn lẻ hoặc phức hợp
4.4.4.	Thiết kế/lập kế hoạch được nhiệm vụ có nhiều mục tiêu (đa mục tiêu)
<b>CĐR 4.5</b>	<b>Thể hiện hiệu quả thực hiện các hoạt động trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>
4.5.1.	Xây dựng được quy trình thực hiện hoạt động trong thực tiễn
4.5.2.	Tổ chức và thực hiện các hoạt động một cách linh hoạt và hiệu quả
4.5.3.	Quản lý, giám sát và điều chỉnh nhiệm vụ khi cần thiết

TT	CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
<b>CDR 4.6</b>	<b>Thể hiện năng lực đánh giá và cải tiến hiệu quả của các hoạt động trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>
4.6.1.	Đánh giá được hiệu quả của các nhiệm vụ trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học
4.6.2.	Cải tiến chất lượng các nhiệm vụ trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học

#### 1.4. Đối tượng khảo sát

Qua phân tích tình hình thực tế và mục đích khảo sát, bộ phận khảo sát xác định đối tượng khảo sát, số lượng khảo sát dự kiến và đã thực hiện như sau:

Bảng 2. Đối tượng tham gia trả lời khảo sát

STT	Đối tượng khảo sát	Số lượng yêu cầu	Số lượng khảo sát
1	Lãnh đạo Sở GDĐT/Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	20	45
2	Chuyên viên Sở GDĐT/Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	20	3
3	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	20	39
4	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	20	42
5	Cựu sinh viên	20	4
6	Sinh viên	20	15
<b>Tổng số</b>		<b>120</b>	<b>148</b>

#### 1.5. Các cấp độ đánh giá

Bảng 3. Các cấp độ đánh giá cho từng nội dung khảo sát

Mức độ đồng ý	Mức độ cần thiết	Mức độ nên đạt được về kiến thức	Mức độ nên đạt được về kỹ năng
①: Rất không đồng ý; ②: Không đồng ý; ③: Không có ý kiến; ④: Đồng ý; ⑤: Rất đồng ý.	① Không cần thiết ② Ít cần thiết ③ Không biết ④ Cần thiết ⑤ Rất cần thiết	(a) Hiểu (b) Áp dụng (c) Phân tích (d) Đánh giá (e) Sáng tạo	(a) Có thể tham gia, đóng góp (b) Có thể hiểu, giải thích (c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện (d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới

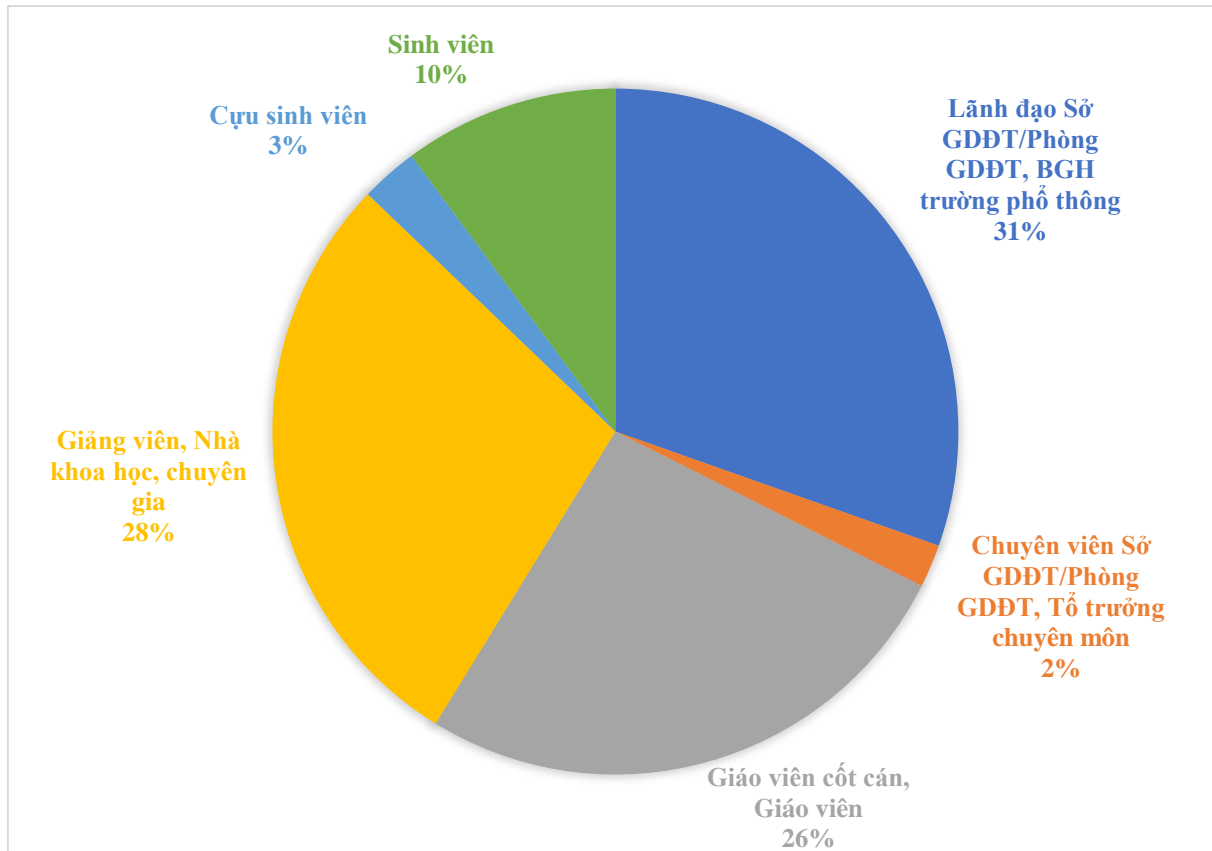
## II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

### 2.1. Thông tin về đối tượng được khảo sát

#### 2.1.1. Thông tin vị trí công tác của đối tượng khảo sát

Bảng 4. Số liệu về vị trí công tác của đối tượng tham gia trả lời khảo sát

Đối tượng	Số lượng	Tỷ lệ %
Lãnh đạo Sở GDĐT/Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	45	30.41%
Chuyên viên Sở GDĐT/Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	3	2.03%
Giáo viên cốt cán, Giáo viên	39	26.35%
Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	42	28.38%
Cựu sinh viên	4	2.70%
Sinh viên	15	10.14%
<b>Tổng</b>	<b>148</b>	<b>100%</b>



Hình 1. Biểu đồ phân bố vị trí công tác của đối tượng khảo sát

## 2.1.2. Giới tính của đối tượng khảo sát

Bảng 5. Số liệu về giới tính của đối tượng khảo sát

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ
Nam	117	79.05%
Nữ	31	20.95%
<b>Tổng</b>	<b>148</b>	<b>100%</b>

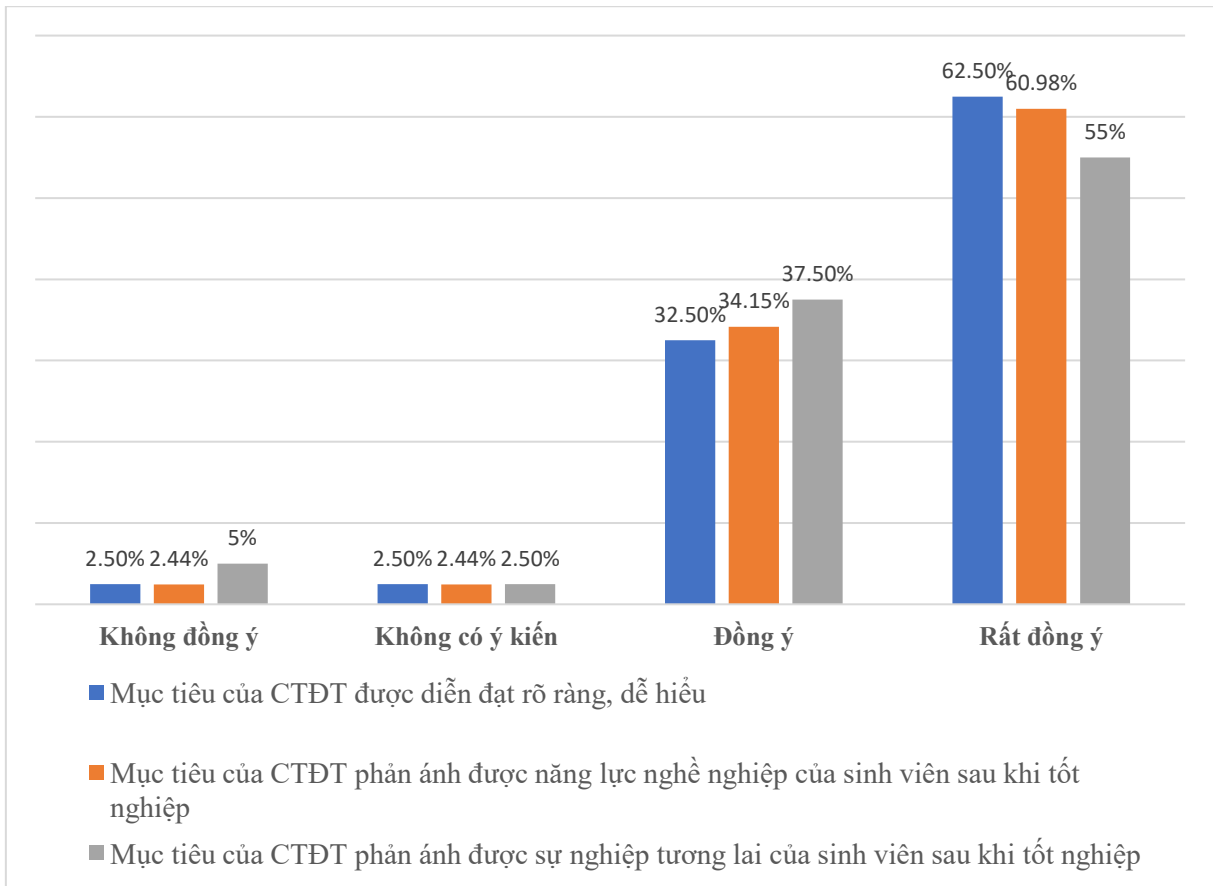
## 2.2. Phân tích kết quả khảo sát

### 2.2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Việc khảo sát mục tiêu của chương trình đào tạo chỉ dành cho đối tượng người trả lời là Giảng viên, Nhà khoa học và Chuyên gia.

Bảng 6. Số liệu về đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo

Ý kiến	Mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu		Mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp		Mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp	
	Số lượng	Tỷ lệ%	Số lượng	Tỷ lệ%	Số lượng	Tỷ lệ%
Rất không đồng ý	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Không đồng ý	1.00	2.50	1.00	2.44	2.00	5.00
Không có ý kiến	1.00	2.50	1.00	2.44	1.00	2.50
Đồng ý	13.00	32.50	14.00	34.15	15.00	37.50
Rất đồng ý	25.00	62.50	25.00	60.98	22.00	55.00
<b>Tổng</b>	<b>40</b>	<b>100</b>	<b>41</b>	<b>100</b>	<b>40</b>	<b>100</b>



Hình 2. Biểu đồ tỷ lệ đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo

### **Nhận xét:**

Hầu hết ý kiến trả lời khảo sát trên các đối tượng cho thấy mức độ đồng thuận cao (trên 88%) khi đánh giá về chương trình đào tạo của ngành GDTH được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu và phản ánh được năng lực nghề nghiệp cũng như sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp (Bảng 6 và Hình 2).

### **Ý kiến góp ý khác về mục tiêu của chương trình đào tạo:**

Một số ý kiến góp ý khác cho rằng phần mục tiêu của CTĐT mới chỉ dừng lại với vị trí việc làm là giáo viên Tiểu học, chưa thấy rõ các cơ hội nghề nghiệp khác như là chuyên viên, nhà quản lý hoặc nhà nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục tiểu học (sự nghiệp tương lai của sinh viên).

### **2.2.2. Nhóm Chuẩn đầu ra về kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH**

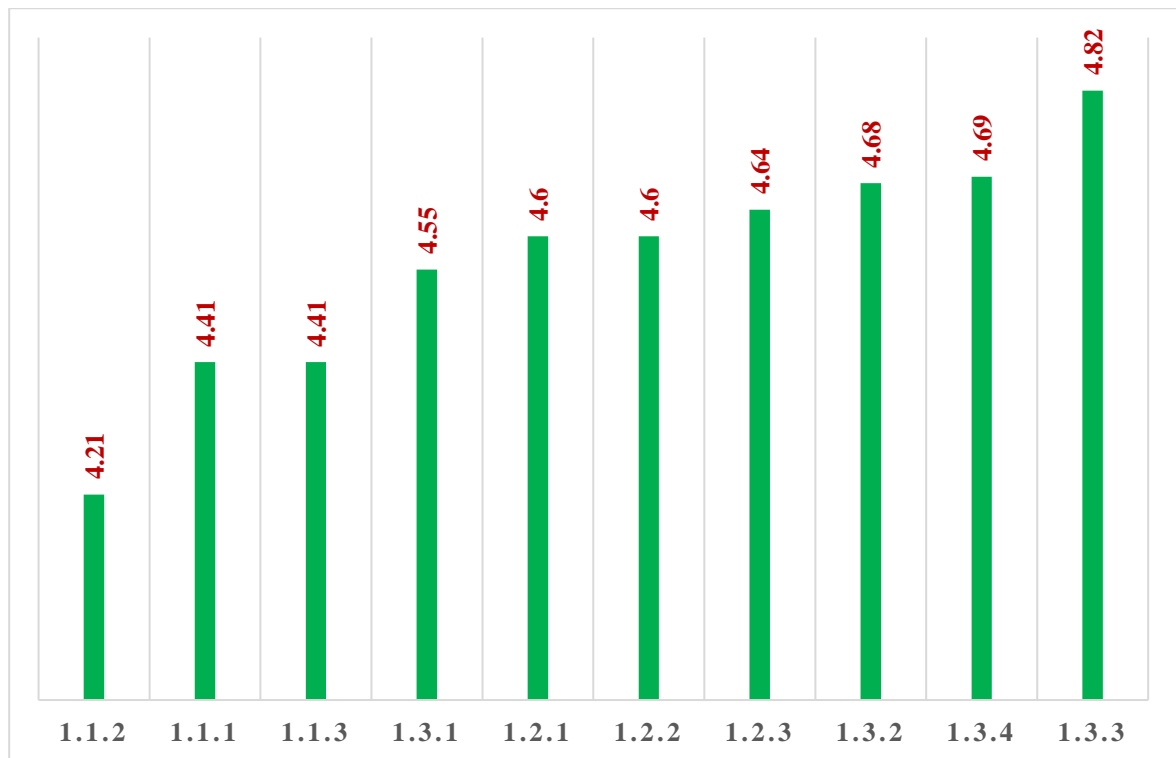
Khảo sát CĐR về kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH GDTH được tiến hành trên 4 nhóm đối tượng, bao gồm: 1. Giáo viên cốt cán, Giáo viên; 2. Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia; 3. Cựu sinh viên; 4. Sinh viên.

**2.2.2.1. Mức độ cần thiết của nhóm CĐR về kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH**

*Bảng 7. Số liệu đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)*

<b>CĐR NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SƯ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	<b>Mức độ cần thiết</b>				
	<b>Giáo viên cốt cán, Giáo viên</b>	<b>Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia</b>	<b>Cựu sinh viên</b>	<b>Sinh viên</b>	<b>Giá trị TB</b>
<b>CĐR 1.1. Áp dụng được kiến thức cơ bản về tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật, văn hoá và xã hội Việt Nam vào các hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống</b>					
1.1.1. Áp dụng được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam vào các hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.	4.21	4.41	4.75	4.27	<b>4.41</b>
1.1.2. Áp dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, an ninh-quốc phòng, và văn hoá và xã hội Việt Nam vào các hoạt động phát triển thể chất, xã hội và tinh thần cho học sinh tiểu học.	4.39	4.29	4.00	4.14	<b>4.21</b>
1.1.3. Áp dụng được kiến thức cơ bản về môi trường, dân số, giáo dục thể chất, y tế học đường vào các hoạt động phát triển thể chất, xã hội và tinh thần cho học sinh tiểu học	4.46	4.47	4.25	4.46	<b>4.41</b>
<b>CĐR 1.2. Vận dụng linh hoạt những kiến thức nghiệp vụ cốt lõi về khoa học giáo dục, toán học, khoa học và công nghệ cũng như năng lực (ICT) vào hoạt động nghề nghiệp và phát triển chuyên môn</b>					
1.2.1. Vận dụng được kiến thức nền tảng và chuyên sâu của khoa học tâm lý - giáo dục vào tìm hiểu học sinh tiểu học và môi trường giáo dục.	4.58	4.59	5.00	4.23	<b>4.60</b>
1.2.2. Vận dụng được kiến thức lí thuyết về lí luận dạy học và giáo dục hiện đại vào các hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh tiểu học	4.66	4.57	4.75	4.42	<b>4.60</b>

<b>CĐR NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	<b>Mức độ cần thiết</b>				
	<b>Giáo viên cốt cán, Giáo viên</b>	<b>Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia</b>	<b>Cựu sinh viên</b>	<b>Sinh viên</b>	<b>Giá trị TB</b>
1.2.3. Vận dụng được kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên-xã hội, và công nghệ vào hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh tiểu học, đồng thời tự phát triển nghề nghiệp;	4.57	4.56	5.00	4.42	<b>4.64</b>
1.2.4. Sử dụng được công nghệ thông tin và giao tiếp (ICT) trong giáo dục và dạy học để mở rộng các cơ hội phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học, và tự phát triển nghề nghiệp;	4.54	4.56	4.67	4.42	<b>4.55</b>
<b>CĐR 1.3. Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn về chương trình giáo dục tiểu học hiện hành và kiến thức thực tiễn về phương pháp dạy học các môn học vào các hoạt động dạy học và giáo dục</b>					
1.3.1. Vận dụng được kiến thức toán học và các chiến lược dạy học toán để phát triển năng lực toán học cho học sinh tiểu học	4.63	4.61	5.00	4.50	<b>4.68</b>
1.3.2. Vận dụng được kiến thức ngữ văn và các chiến lược dạy học ngữ văn để phát triển phẩm chất, năng lực ngôn ngữ cho học sinh tiểu học	4.74	4.73	5.00	4.82	<b>4.82</b>
1.3.3. Vận dụng được kiến thức khoa học tự nhiên – xã hội và các chiến lược dạy học tự nhiên-xã hội để phát triển phẩm chất, năng lực tìm hiểu về tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học	4.67	4.61	5.00	4.50	<b>4.69</b>
1.3.4. Vận dụng được kiến thức thuộc lĩnh vực nghệ thuật, công nghệ và các chiến lược dạy học tương ứng để phát triển các phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học	4.53	4.49	5.00	4.42	<b>4.61</b>



Hình 3. Mức độ cần thiết theo giá trị trung bình của từng CĐR về Kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH theo kết quả khảo sát các đối tượng (sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao)

#### **Nhận xét:**

Qua giá trị trung bình của các ý kiến trả lời từ 4 nhóm đối tượng có thể thấy hầu hết đều nhìn nhận các yêu cầu về CĐR được đề cập đến trong nhóm CĐR về Kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH là cần thiết đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp. Các CĐR 1.1.1, 1.1.2 và 1.1.3 có xu hướng được đánh giá mức độ cần thiết thấp hơn so với những CĐR còn lại.

#### **2.2.2.2. Mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH**

Kết quả khảo sát được tổng hợp tại Bảng 8 và Bảng 9.

Bảng 8. Đánh giá về mức độ thành thạo hiện đạt được của CĐR nhóm I

CĐR NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SƯ PHẠM NGÀNH GDTH	Mức độ năng lực sinh viên hiện đạt được				
	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
CĐR 1.1. Áp dụng được kiến thức cơ bản về tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật, văn hoá và xã hội Việt Nam vào các hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống					

<b>CĐR NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên hiện đạt được</b>				
	<b>Giáo viên cốt cán, Giáo viên</b>	<b>Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia</b>	<b>Cựu sinh viên</b>	<b>Sinh viên</b>	<b>Giá trị TB</b>
1.1.1. Áp dụng được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam vào các hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.	2.89	3.20	3.50	2.23	<b>2.95</b>
1.1.2. Áp dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, an ninh-quốc phòng, và văn hoá và xã hội Việt Nam vào các hoạt động phát triển thể chất, xã hội và tinh thần cho học sinh tiểu học.	3.00	2.92	2.75	2.50	<b>2.79</b>
<b>CĐR 1.2. Vận dụng linh hoạt những kiến thức nghiệp vụ cốt lõi về khoa học giáo dục, toán học, khoa học và công nghệ cũng như năng lực (ICT) vào hoạt động nghề nghiệp và phát triển chuyên môn</b>					
1.1.3. Áp dụng được kiến thức cơ bản về môi trường, dân số, giáo dục thể chất, y tế học đường vào các hoạt động phát triển thể chất, xã hội và tinh thần cho học sinh tiểu học	3.47	3.10	3.00	2.58	<b>3.04</b>
1.2.1. Vận dụng được kiến thức nền tảng và chuyên sâu của khoa học tâm lý - giáo dục vào tìm hiểu học sinh tiểu học và môi trường giáo dục.	3.35	3.22	3.25	2.92	<b>3.18</b>
1.2.2. Vận dụng được kiến thức lý thuyết về lý luận dạy học và giáo dục hiện đại vào các hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh tiểu học	3.53	3.34	3.00	3.15	<b>3.26</b>

<b>CĐR NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên hiện đạt được</b>				
	<b>Giáo viên cốt cán, Giáo viên</b>	<b>Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia</b>	<b>Cựu sinh viên</b>	<b>Sinh viên</b>	<b>Giá trị TB</b>
1.2.3. Vận dụng được kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên-xã hội, và công nghệ vào hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh tiểu học, đồng thời tự phát triển nghề nghiệp;	3.55	3.32	3.50	2.91	<b>3.32</b>
1.2.4. Sử dụng được công nghệ thông tin và giao tiếp (ICT) trong giáo dục và dạy học để mở rộng các cơ hội phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học, và tự phát triển nghề nghiệp;	3.65	3.22	3.00	2.82	<b>3.17</b>
<b>CĐR 1.3. Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn về chương trình giáo dục tiểu học hiện hành và kiến thức thực tiễn về phương pháp dạy học các môn học vào các hoạt động dạy học và giáo dục</b>					
1.3.1. Vận dụng được kiến thức toán học và các chiến lược dạy học toán để phát triển năng lực toán học cho học sinh tiểu học	3.18	3.41	3.25	2.91	<b>3.19</b>
1.3.2. Vận dụng được kiến thức ngữ văn và các chiến lược dạy học ngữ văn để phát triển phẩm chất, năng lực ngôn ngữ cho học sinh tiểu học	3.13	3.38	2.67	2.80	<b>2.99</b>
1.3.3. Vận dụng được kiến thức khoa học tự nhiên – xã hội và các chiến lược dạy học tự nhiên-xã hội để phát triển phẩm chất, năng lực tìm hiểu về tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học	3.16	3.32	3.25	2.82	<b>3.14</b>
1.3.4. Vận dụng được kiến thức thuộc lĩnh vực nghệ thuật, công	3.29	3.37	3.25	2.91	<b>3.21</b>

<b>CĐR NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên hiện đạt được</b>				
	<b>Giáo viên cốt cán, Giáo viên</b>	<b>Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia</b>	<b>Cựu sinh viên</b>	<b>Sinh viên</b>	<b>Giá trị TB</b>
nghệ và các chiến lược dạy học tương ứng để phát triển các phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học					

*Bảng 9. Đánh giá về mức độ thành thạo cần đạt được của nhóm CĐR về kiến thức và lập luận sự phạm ngành GDTH*

<b>CĐR NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được</b>				
	<b>Giáo viên cốt cán, Giáo viên</b>	<b>Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia</b>	<b>Cựu sinh viên</b>	<b>Sinh viên</b>	<b>Giá trị TB</b>
<b>CĐR 1.1. Áp dụng được kiến thức cơ bản về tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật, văn hoá và xã hội Việt Nam vào các hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống</b>					
1.1.1. Áp dụng được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam vào các hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.	3.85	3.95	4.50	2.83	<b>3.78</b>
1.1.2. Áp dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, an ninh-quốc phòng, và văn hoá và xã hội Việt Nam vào các hoạt động phát triển thể chất, xã hội và tinh thần cho học sinh tiểu học.	3.64	3.72	4.00	3.00	<b>3.59</b>
1.1.3. Áp dụng được kiến thức cơ bản về môi trường, dân số, giáo dục thể chất, y tế học đường vào các hoạt động phát triển thể chất, xã hội và tinh thần cho học sinh tiểu học	3.82	3.92	4.00	2.83	<b>3.64</b>

<b>CDR NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được</b>				
	<b>Giáo viên cốt cán, Giáo viên</b>	<b>Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia</b>	<b>Cựu sinh viên</b>	<b>Sinh viên</b>	<b>Giá trị TB</b>
<b>CDR 1.2. Vận dụng linh hoạt những kiến thức nghiệp vụ cốt lõi về khoa học giáo dục, toán học, khoa học và công nghệ cũng như năng lực (ICT) vào hoạt động nghề nghiệp và phát triển chuyên môn</b>					
1.2.1. Vận dụng được kiến thức nền tảng và chuyên sâu của khoa học tâm lý - giáo dục vào tìm hiểu học sinh tiểu học và môi trường giáo dục.	4.06	4.22	4.50	3.67	<b>4.11</b>
1.2.2. Vận dụng được kiến thức lí thuyết về lí luận dạy học và giáo dục hiện đại vào các hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh tiểu học	4.06	4.39	4.00	3.45	<b>3.98</b>
1.2.3. Vận dụng được kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên-xã hội, và công nghệ vào hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh tiểu học, đồng thời tự phát triển nghề nghiệp;	4.28	4.32	4.75	4.00	<b>4.34</b>
1.2.4. Sử dụng được công nghệ thông tin và giao tiếp (ICT) trong giáo dục và dạy học để mở rộng các cơ hội phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học, và tự phát triển nghề nghiệp;	4.15	4.22	4.67	3.70	<b>4.18</b>
<b>CDR 1.3. Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn về chương trình giáo dục tiểu học hiện hành và kiến thức thực tiễn về phương pháp dạy học các môn học vào các hoạt động dạy học và giáo dục</b>					
1.3.1. Vận dụng được kiến thức toán học và các chiến lược dạy học toán	4.06	4.32	5.00	3.55	<b>4.23</b>

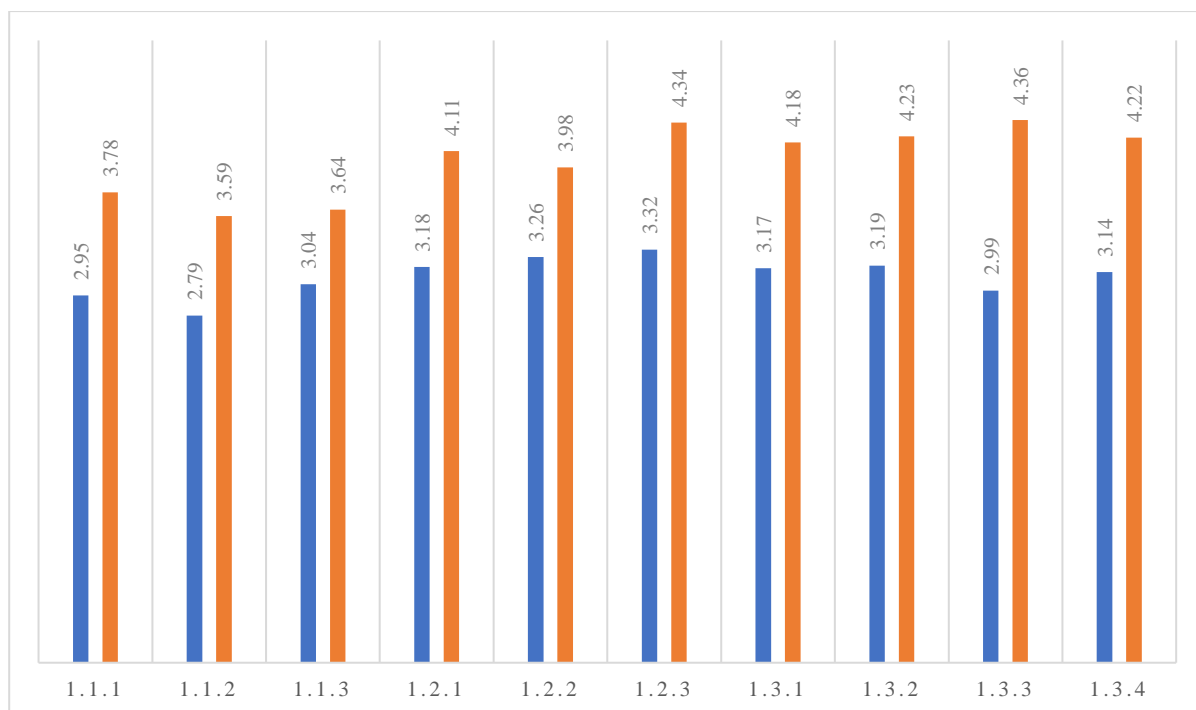
<b>CĐR NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được</b>				
	<b>Giáo viên cốt cán, Giáo viên</b>	<b>Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia</b>	<b>Cựu sinh viên</b>	<b>Sinh viên</b>	<b>Giá trị TB</b>
để phát triển năng lực toán học cho học sinh tiểu học					
1.3.2. Vận dụng được kiến thức ngữ văn và các chiến lược dạy học ngữ văn để phát triển phẩm chất, năng lực ngôn ngữ cho học sinh tiểu học	4.19	4.43	5.00	3.80	<b>4.36</b>
1.3.3. Vận dụng được kiến thức khoa học tự nhiên – xã hội và các chiến lược dạy học tự nhiên-xã hội để phát triển phẩm chất, năng lực tìm hiểu về tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học	3.90	4.29	5.00	3.70	<b>4.22</b>
1.3.4. Vận dụng được kiến thức thuộc lĩnh vực nghệ thuật, công nghệ và các chiến lược dạy học tương ứng để phát triển các phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học	4.18	4.29	5.00	3.82	<b>4.32</b>

*Bảng 10. So sánh mức độ hiện đạt được và mức độ cần đạt được của nhóm CĐR về kiến thức và lập luận sự phạm ngành GDTH theo kết quả khảo sát trung bình của các nhóm đối tượng*

<b>CĐR NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên hiện đạt được</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được</b>
<b>CĐR 1.1. Áp dụng được kiến thức cơ bản về tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật, văn hoá và xã hội Việt Nam vào các hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống</b>		
1.1.1. Áp dụng được kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách	2.95	3.78

<b>CDR NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên hiện đạt được</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được</b>
mạng của Đảng cộng sản Việt Nam vào các hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.		
1.1.2. Áp dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, an ninh-quốc phòng, và văn hoá và xã hội Việt Nam vào các hoạt động phát triển thể chất, xã hội và tinh thần cho học sinh tiểu học.	2.79	3.59
<b>CDR 1.2. Vận dụng linh hoạt những kiến thức nghiệp vụ cốt lõi về khoa học giáo dục, toán học, khoa học và công nghệ cũng như năng lực (ICT) vào hoạt động nghề nghiệp và phát triển chuyên môn</b>		
1.1.3. Áp dụng được kiến thức cơ bản về môi trường, dân số, giáo dục thể chất, y tế học đường vào các hoạt động phát triển thể chất, xã hội và tinh thần cho học sinh tiểu học	3.04	3.64
1.2.1. Vận dụng được kiến thức nền tảng và chuyên sâu của khoa học tâm lý - giáo dục vào tìm hiểu học sinh tiểu học và môi trường giáo dục.	3.18	4.11
1.2.2. Vận dụng được kiến thức lí thuyết về lí luận dạy học và giáo dục hiện đại vào các hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh tiểu học	3.26	3.98
1.2.3. Vận dụng được kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên-xã hội, và công nghệ vào hoạt động dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh tiểu học, đồng thời tự phát triển nghề nghiệp;	3.32	4.34
1.2.4. Sử dụng được công nghệ thông tin và giao tiếp (ICT) trong giáo dục và dạy học để mở rộng các cơ hội phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học, và tự phát triển nghề nghiệp;	3.17	4.18
<b>CDR 1.3. Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn về chương trình giáo dục tiểu học hiện hành và kiến thức thực tiễn về phương pháp dạy học các môn học vào các hoạt động dạy học và giáo dục</b>		

<b>CĐR NHÓM 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN SỰ PHẠM NGÀNH GDTH</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên hiện đạt được</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được</b>
1.3.1. Vận dụng được kiến thức toán học và các chiến lược dạy học toán để phát triển năng lực toán học cho học sinh tiểu học	3.19	4.23
1.3.2. Vận dụng được kiến thức ngữ văn và các chiến lược dạy học ngữ văn để phát triển phẩm chất, năng lực ngôn ngữ cho học sinh tiểu học	2.99	4.36
1.3.3. Vận dụng được kiến thức khoa học tự nhiên – xã hội và các chiến lược dạy học tự nhiên-xã hội để phát triển phẩm chất, năng lực tìm hiểu về tự nhiên và xã hội cho học sinh tiểu học	3.14	4.22
1.3.4. Vận dụng được kiến thức thuộc lĩnh vực nghệ thuật, công nghệ và các chiến lược dạy học tương ứng để phát triển các phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học	3.21	4.32



Hình 4. So sánh mức độ hiện đạt được và mức độ cần đạt được của nhóm CĐR về kiến thức và lập luận sự phạm ngành GDTH theo kết quả khảo sát trung bình của các đối tượng

**Nhận xét:**

- Kết quả đánh giá về mức độ hiện đạt được của nhóm CĐR về kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH trên 4 đối tượng nằm ở mức trung bình từ **2.8** đến **3.2**, tương đương với mức độ (c) *Phân tích*. Các giá trị của nhóm đối tượng sinh viên tự đánh giá cho thấy kết quả thấp hơn so với mức độ đánh giá trung bình của 3 nhóm đối tượng còn lại (Bảng 8).
- So sánh mức độ cần đạt được với mức độ hiện đạt được của sinh viên ở các CĐR về kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH cho thấy sự chênh lệch đáng kể (Bảng 10 và Hình 4). Đặc biệt ở các nhóm CĐR **1.2** và **1.3** thì các ý kiến trả lời đánh giá mức độ sinh viên cần đạt phải từ mức (d) *Đánh giá* trở lên, trong khi mức độ hiện có của sinh viên đang ở mức (c) *Phân tích*.
- Các CĐR **1.1.1**, **1.1.2** và **1.1.3** có xu hướng thấp hơn về các mức độ đánh giá so với các CĐR còn lại trong nhóm CĐR về kiến thức và lập luận sư phạm ngành GDTH.

**2.2.3. Nhóm Chuẩn đầu ra về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp****2.2.3.1. Mức độ cần thiết của Nhóm CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp**

Bảng 11. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của nhóm CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

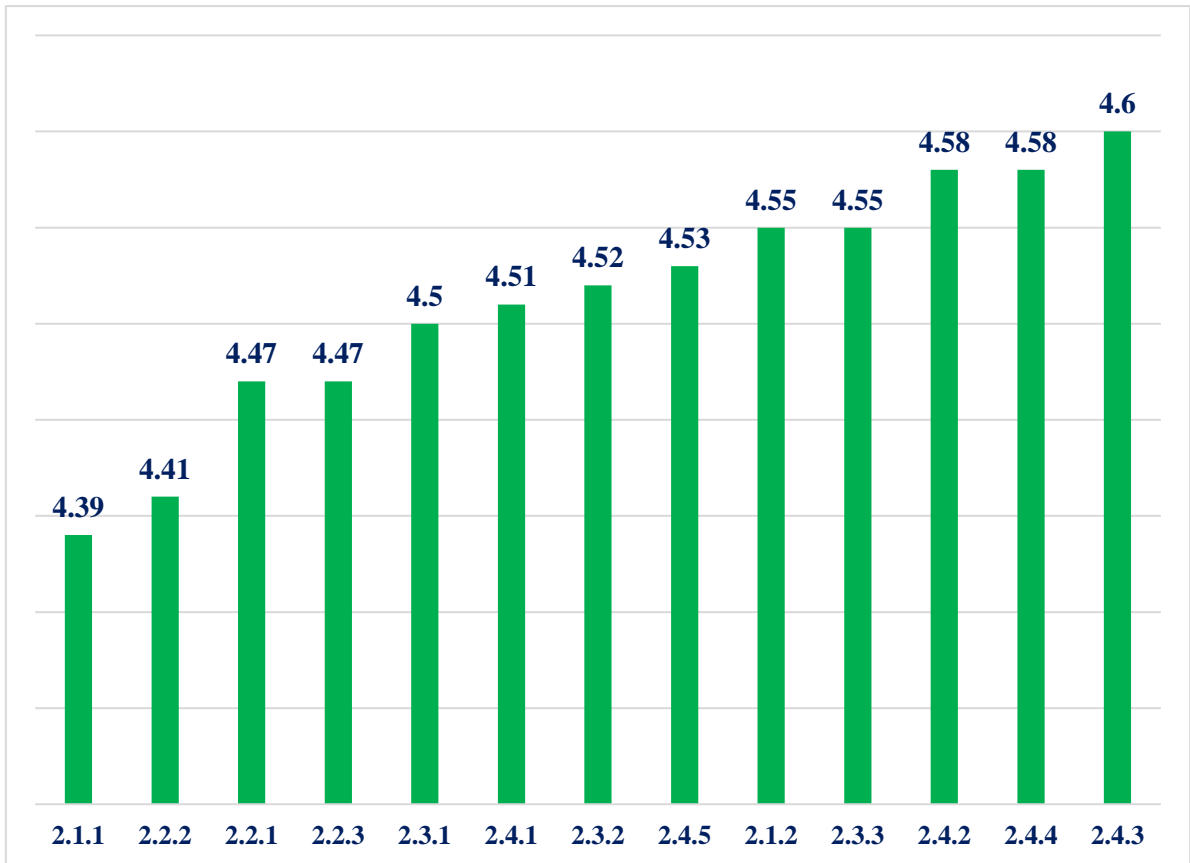
CĐR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT						
	Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
<b>CĐR 2.1. Thể hiện được trách nhiệm công dân và phẩm chất chuẩn mực của một nhà giáo dục</b>							
2.1.1 Có phẩm chất chính trị, có trách nhiệm công dân và dành sự quan tâm đặc biệt đến sự phát triển của thế hệ trẻ;	4.09	4.67	4.32	4.30	4.25	4.69	<b>4.39</b>

CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHÂM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT						
	Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
2.1.2 Thể hiện cách hành xử chuyên nghiệp, có đạo đức và phong cách chuẩn mực của một nhà giáo dục.	4.32	4.33	4.72	4.57	4.75	4.62	<b>4.55</b>
<b>CDR 2.2. Thể hiện được năng lực lập luận sư phạm và giải quyết vấn đề, năng lực khám phá tri thức, và năng lực phản biện trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>							
2.2.1. Năng lực lập luận và giải quyết vấn đề giáo dục tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp thể hiện được khả năng đề xuất và thực hiện các giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học	4.38	4.33	4.52	4.55	4.50	4.55	<b>4.47</b>
2.2.2. Năng lực khám phá tri thức: Sinh viên tốt nghiệp có thể hình thành – kiểm tra và bảo vệ giả thuyết do mình đề xuất; có khả năng tìm kiếm và sử dụng các tài liệu in, tài liệu điện tử phục vụ cho thực tiễn công việc	4.27	4.33	4.53	4.37	4.50	4.46	<b>4.41</b>
2.2.3. Năng lực phản biện: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng đặt câu hỏi một cách liên tục và hệ thống về công việc của mình như là một	4.27	4.33	4.63	4.50	4.50	4.58	<b>4.47</b>

CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT						
	Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
giáo viên và điều chỉnh hành động khi cần thiết							
<b>CDR 2.3. Thể hiện những phẩm chất và năng lực cá nhân gồm: Khả năng kiên trì và linh hoạt; tư duy sáng tạo; khả năng tự nhận thức và tự học; năng lực quản lí thời gian và nguồn lực</b>							
2.3.1. Sự kiên trì và linh hoạt: Sinh viên tốt nghiệp thể hiện sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; có sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; có khả năng chịu được áp lực trong công việc, đồng thời sẵn sàng để làm việc với những người khác và chấp nhận những quan điểm khác nhau; biết chấp nhận những chỉ trích và phản hồi tích cực cũng như biết cân bằng giữa cuộc sống cá nhân và công việc.	4.30	4.33	4.64	4.57	4.50	4.69	<b>4.50</b>
2.3.2. Tư duy sáng tạo: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tiếp cận thực tiễn giáo dục và dạy học của bản thân từ những quan điểm khác nhau để thích nghi với sự đổi mới của môi trường giáo dục	4.27	4.33	4.64	4.59	4.50	4.77	<b>4.52</b>
2.3.3. Năng lực quản lí thời gian và nguồn lực: Sinh viên tốt nghiệp có	4.14	4.67	4.59	4.43	4.75	4.73	<b>4.55</b>

CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT						
	Lãnh đạo Sở GDDĐT, Phòng GDDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDDĐT, Phòng GDDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
thể xác định được tầm quan trọng, tính cấp thiết và thứ tự ưu tiên trong việc thực hiện và chấp hành các nhiệm vụ trong thực tiễn công việc							
<b>CDR 2.4. Thể hiện được năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục tiểu học như: năng lực tìm hiểu người học và xây dựng môi trường giáo dục; năng lực giáo dục, dạy học và đánh giá người học; năng lực thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp.</b>							
2.4.1. Thể hiện được năng lực tìm hiểu người học và xây dựng môi trường giáo dục: Sinh viên tốt nghiệp xác định được các đặc điểm nhận thức và tâm-sinh lí lứa tuổi của học sinh tiểu học và môi trường giáo dục học để từ đó vận dụng những hiểu biết này vào các hoạt động giáo dục và dạy học	4.40	4.67	4.53	4.51	4.50	4.46	<b>4.51</b>
2.4.2. Thể hiện năng lực giáo dục học sinh tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có thể thiết kế, tổ chức và thực hiện hoạt động giáo dục một cách hiệu quả và phù hợp với bối cảnh thực tiễn nhằm phát triển các phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học	4.29	4.67	4.69	4.73	4.50	4.58	<b>4.58</b>

CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHÂM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT						
	Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
2.4.3. Thể hiện năng lực dạy học các môn học ở tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có thể nghiên cứu, thiết kế và tổ chức thực hiện thành thạo và hiệu quả hoạt động dạy học cũng như có khả năng phát triển chương trình các môn học ở tiểu học	4.33	4.67	4.72	4.65	4.50	4.77	<b>4.60</b>
2.4.4 Thể hiện năng lực đánh giá học sinh tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng thiết kế và tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động nhằm đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh tiểu học, đồng thời sử dụng được kết quả đánh giá để nâng cao chất lượng học tập của học sinh.	4.36	4.67	4.69	4.62	4.50	4.67	<b>4.58</b>
2.4.5 Thể hiện năng lực thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp tự đánh giá được năng lực bản thân trước những yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp và tự học để nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được những sự đổi mới trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.	4.33	4.33	4.71	4.59	4.50	4.69	<b>4.53</b>



Hình 5. Mức độ cần thiết của nhóm CĐR về kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp theo giá trị trung bình của kết quả trả lời khảo sát (sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao)

**Nhận xét:**

- Các CĐR thuộc nhóm Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đều được đánh giá ở mức độ cần thiết đến rất cần thiết cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học sau khi tốt nghiệp.
- CĐR 2.4.3 có giá trị trung bình lớn nhất (4.6), trong khi CĐR 2.1.1 có giá trị trung bình thấp nhất (4.39). Tuy nhiên, sự chênh lệch giữa các giá trị trung bình là không lớn (Hình 5).

**2.2.3.2. Mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CDR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp**

Kết quả khảo sát được tổng hợp tại Bảng 12 và Bảng 13.

*Bảng 12. Mức độ năng lực hiện đạt được của sinh viên đối với nhóm CDR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát*

CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ HIỆN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDDĐT, Phòng GDDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDDĐT, Phòng GDDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
<b>CDR 2.1. Thể hiện được trách nhiệm công dân và phẩm chất chuẩn mực của một nhà giáo dục</b>							
2.1.1 Có phẩm chất chính trị, có trách nhiệm công dân và dành sự quan tâm đặc biệt đến sự phát triển của thế hệ trẻ;	3.12	3.00	3.00	3.00	3.33	2.00	<b>2.91</b>
2.1.2 Thể hiện cách hành xử chuyên nghiệp, có đạo đức và phong cách chuẩn mực của một nhà giáo dục.	3.13	3.00	3.00	3.00	3.00	2.60	<b>2.95</b>
<b>CDR 2.2. Thể hiện được năng lực lập luận sư phạm và giải quyết vấn đề, năng lực khám phá tri thức, và năng lực phản biện trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>							
2.2.1. Năng lực lập luận và giải quyết vấn đề giáo dục tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp thể hiện được khả năng đề xuất và thực hiện các giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học	3.18	3.00	3.00	3.00	3.33	2.75	<b>3.04</b>

CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ HIỆN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
2.2.2. Năng lực khám phá tri thức: Sinh viên tốt nghiệp có thể hình thành – kiểm tra và bảo vệ giả thuyết do mình đề xuất; có khả năng tìm kiếm và sử dụng các tài liệu in, tài liệu điện tử phục vụ cho thực tiễn công việc	3.12	3.00	2.82	3.00	3.67	2.40	<b>3.00</b>
2.2.3. Năng lực phản biện: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng đặt câu hỏi một cách liên tục và hệ thống về công việc của mình như là một giáo viên và điều chỉnh hành động khi cần thiết	3.06	3.00	3.09	3.00	3.67	2.00	<b>2.97</b>
<b>CDR 2.3. Thể hiện những phẩm chất và năng lực cá nhân gồm: Khả năng kiên trì và linh hoạt; tư duy sáng tạo; khả năng tự nhận thức và tự học; năng lực quản lý thời gian và nguồn lực</b>							
2.3.1. Sự kiên trì và linh hoạt: Sinh viên tốt nghiệp thể hiện sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; có sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; có khả năng chịu được áp lực trong công việc, đồng thời sẵn sàng để làm việc với những người khác và chấp nhận những quan điểm khác nhau; biết chấp nhận những chỉ trích và phản	3.13	3.00	3.00	3.00	3.33	2.60	<b>3.01</b>

CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHÂM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ HIỆN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDDĐT, Phòng GDDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDDĐT, Phòng GDDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
hồi tích cực cũng như biết cân bằng giữa cuộc sống cá nhân và công việc.							
2.3.2. Tư duy sáng tạo: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tiếp cận thực tiễn giáo dục và dạy học của bản thân từ những quan điểm khác nhau để thích nghi với sự đổi mới của môi trường giáo dục	3.29	3.00	3.10	3.00	3.33	2.40	<b>3.02</b>
2.3.3. Năng lực quản lý thời gian và nguồn lực: Sinh viên tốt nghiệp có thể xác định được tầm quan trọng, tính cấp thiết và thứ tự ưu tiên trong việc thực hiện và chấp hành các nhiệm vụ trong thực tiễn công việc	3.36	3.00	3.22	3.00	3.33	2.60	<b>3.09</b>
<b>CDR 2.4. Thể hiện được năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục tiểu học như: năng lực tìm hiểu người học và xây dựng môi trường giáo dục; năng lực giáo dục, dạy học và đánh giá người học; năng lực thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp.</b>							
2.4.1. Thể hiện được năng lực tìm hiểu người học và xây dựng môi trường giáo dục: Sinh viên tốt nghiệp xác định được các đặc điểm nhận thức và tâm-sinh lí lứa tuổi của học sinh tiểu học và môi	3.25	3.00	2.89	3.00	3.33	3.00	<b>3.08</b>

CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ HIỆN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
trường giáo dục học để từ đó vận dụng những hiểu biết này vào các hoạt động giáo dục và dạy học							
2.4.2. Thể hiện năng lực giáo dục học sinh tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có thể thiết kế, tổ chức và thực hiện hoạt động giáo dục một cách hiệu quả và phù hợp với bối cảnh thực tiễn nhằm phát triển các phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học	3.38	3.00	3.22	3.00	3.67	2.40	<b>3.11</b>
2.4.3. Thể hiện năng lực dạy học các môn học ở tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có thể nghiên cứu, thiết kế và tổ chức thực hiện thành thạo và hiệu quả hoạt động dạy học cũng như có khả năng phát triển chương trình các môn học ở tiểu học	3.29	3.00	3.22	3.33	3.00	2.20	<b>3.01</b>
2.4.4 Thể hiện năng lực đánh giá học sinh tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng thiết kế và tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động nhằm đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh tiểu học, đồng thời sử dụng được kết quả đánh giá	3.31	3.00	3.11	3.33	3.33	2.40	<b>3.08</b>

CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ HIỆN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
để nâng cao chất lượng học tập của học sinh.							
2.4.5 Thể hiện năng lực thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp tự đánh giá được năng lực bản thân trước những yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp và tự học để nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được những sự đổi mới trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.	3.31	3.00	3.22	3.33	3.33	2.20	<b>3.07</b>

Bảng 13. Mức độ năng lực cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát

CĐR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
<b>CĐR 2.1. Thể hiện được trách nhiệm công dân và phẩm chất chuẩn mực của một nhà giáo dục</b>							
2.1.1 Có phẩm chất chính trị, có trách nhiệm công dân và dành sự quan tâm đặc biệt đến sự phát triển của thế hệ trẻ;	3.00	4.00	3.30	3.50	4.00	2.40	<b>3.37</b>
2.1.2 Thể hiện cách hành xử chuyên nghiệp, có đạo đức và phong cách chuẩn mực của một nhà giáo dục.	3.29	4.00	3.42	3.50	4.00	3.00	<b>3.54</b>
<b>CĐR 2.2. Thể hiện được năng lực lập luận sư phạm và giải quyết vấn đề, năng lực khám phá tri thức, và năng lực phản biện trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>							
2.2.1. Năng lực lập luận và giải quyết vấn đề giáo dục tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp thể hiện được khả năng đề xuất và thực hiện các giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học	3.29	4.00	3.55	3.33	4.00	3.20	<b>3.56</b>
2.2.2. Năng lực khám phá tri thức: Sinh viên tốt nghiệp có thể hình thành – kiểm tra và bảo vệ giả thuyết do mình đề xuất; có khả	3.24	4.00	3.55	3.33	4.00	3.20	<b>3.55</b>

CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
năng tìm kiếm và sử dụng các tài liệu in, tài liệu điện tử phục vụ cho thực tiễn công việc							
2.2.3. Năng lực phản biện: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng đặt câu hỏi một cách liên tục và hệ thống về công việc của mình như là một giáo viên và điều chỉnh hành động khi cần thiết	3.12	4.00	3.80	3.33	4.00	2.50	<b>3.46</b>
<b>CDR 2.3. Thể hiện những phẩm chất và năng lực cá nhân gồm: Khả năng kiên trì và linh hoạt; tư duy sáng tạo; khả năng tự nhận thức và tự học; năng lực quản lý thời gian và nguồn lực</b>							
2.3.1. Sự kiên trì và linh hoạt: Sinh viên tốt nghiệp thể hiện sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; có sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; có khả năng chịu được áp lực trong công việc, đồng thời sẵn sàng để làm việc với những người khác và chấp nhận những quan điểm khác nhau; biết chấp nhận những chỉ trích và phản hồi tích cực cũng như biết cân bằng giữa cuộc sống cá nhân và công việc.	3.25	4.00	3.55	3.33	4.00	3.17	<b>3.55</b>

CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
2.3.2. Tư duy sáng tạo: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tiếp cận thực tiễn giáo dục và dạy học của bản thân từ những quan điểm khác nhau để thích nghi với sự đổi mới của môi trường giáo dục	3.25	4.00	3.82	3.33	4.00	2.60	<b>3.50</b>
2.3.3. Năng lực quản lý thời gian và nguồn lực: Sinh viên tốt nghiệp có thể xác định được tầm quan trọng, tính cấp thiết và thứ tự ưu tiên trong việc thực hiện và chấp hành các nhiệm vụ trong thực tiễn công việc	3.33	4.00	3.50	3.33	4.00	3.20	<b>3.56</b>
<b>CDR 2.4. Thể hiện được năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục tiểu học như: năng lực tìm hiểu người học và xây dựng môi trường giáo dục; năng lực giáo dục, dạy học và đánh giá người học; năng lực thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp.</b>							
2.4.1. Thể hiện được năng lực tìm hiểu người học và xây dựng môi trường giáo dục: Sinh viên tốt nghiệp xác định được các đặc điểm nhận thức và tâm-sinh lí lứa tuổi của học sinh tiểu học và môi trường giáo dục học để từ đó vận dụng những hiểu biết này vào các hoạt động giáo dục và dạy học	3.31	4.00	3.60	3.33	4.00	3.25	<b>3.58</b>

CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHÂM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
2.4.2. Thể hiện năng lực giáo dục học sinh tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có thể thiết kế, tổ chức và thực hiện hoạt động giáo dục một cách hiệu quả và phù hợp với bối cảnh thực tiễn nhằm phát triển các phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học	3.31	4.00	3.80	3.33	4.00	3.25	<b>3.62</b>
2.4.3. Thể hiện năng lực dạy học các môn học ở tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có thể nghiên cứu, thiết kế và tổ chức thực hiện thành thạo và hiệu quả hoạt động dạy học cũng như có khả năng phát triển chương trình các môn học ở tiểu học	3.25	4.00	3.80	3.33	4.00	3.20	<b>3.60</b>
2.4.4 Thể hiện năng lực đánh giá học sinh tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng thiết kế và tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động nhằm đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh tiểu học, đồng thời sử dụng được kết quả đánh giá để nâng cao chất lượng học tập của học sinh.	3.31	4.00	3.67	3.67	4.00	3.00	<b>3.61</b>

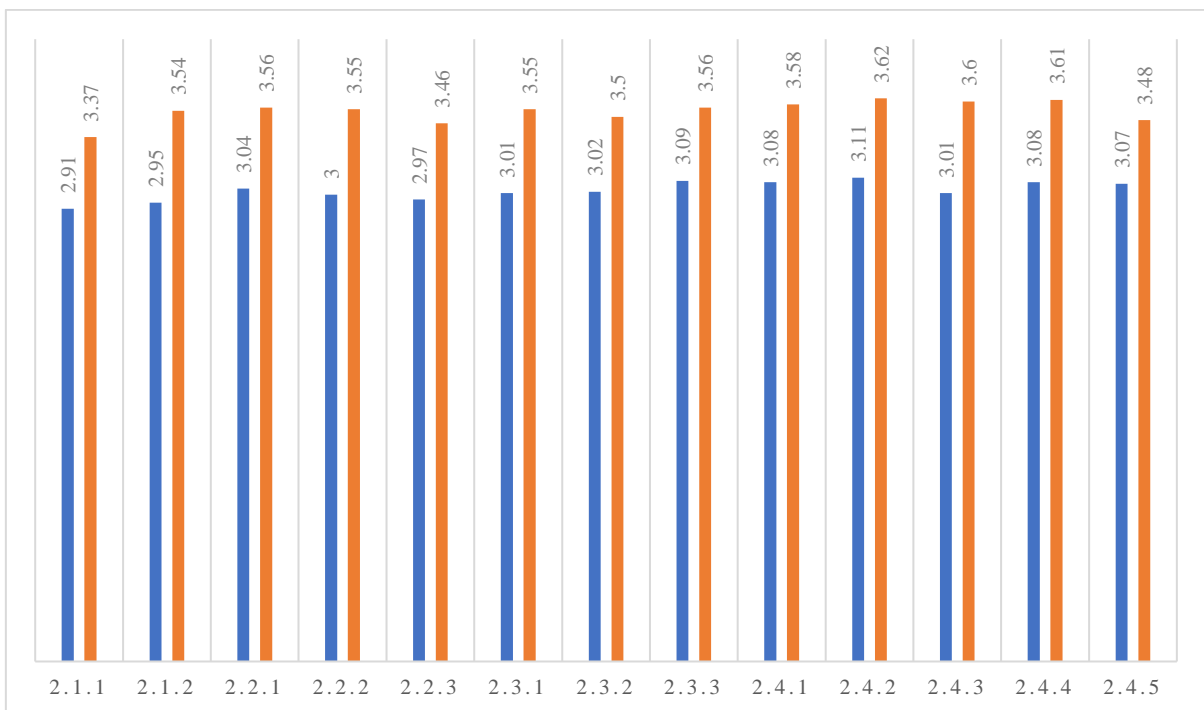
CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT, Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
2.4.5 Thể hiện năng lực thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp tự đánh giá được năng lực bản thân trước những yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp và tự học để nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được những sự đổi mới trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.	3.27	4.00	3.70	3.33	4.00	2.60	<b>3.48</b>

Bảng 14. So sánh mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CDR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp theo kết quả khảo sát

<b>CDR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên hiện đạt được</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được</b>
<b>CDR 2.1. Thể hiện được trách nhiệm công dân và phẩm chất chuẩn mực của một nhà giáo dục</b>		
2.1.1 Có phẩm chất chính trị, có trách nhiệm công dân và dành sự quan tâm đặc biệt đến sự phát triển của thế hệ trẻ;	2.91	3.37
2.1.2 Thể hiện cách hành xử chuyên nghiệp, có đạo đức và phong cách chuẩn mực của một nhà giáo dục.	2.95	3.54
<b>CDR 2.2. Thể hiện được năng lực lập luận sư phạm và giải quyết vấn đề, năng lực khám phá tri thức, và năng lực phản biện trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>		
2.2.1. Năng lực lập luận và giải quyết vấn đề giáo dục tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp thể hiện được khả năng đề xuất và thực hiện các giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học	3.04	3.56
2.2.2. Năng lực khám phá tri thức: Sinh viên tốt nghiệp có thể hình thành – kiểm tra và bảo vệ giả thuyết do mình đề xuất; có khả năng tìm kiếm và sử dụng các tài liệu in, tài liệu điện tử phục vụ cho thực tiễn công việc	3.00	3.55
2.2.3. Năng lực phản biện: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng đặt câu hỏi một cách liên tục và hệ thống về công việc của mình như là một giáo viên và điều chỉnh hành động khi cần thiết	2.97	3.46
<b>CDR 2.3. Thể hiện những phẩm chất và năng lực cá nhân gồm: Khả năng kiên trì và linh hoạt; tư duy sáng tạo; khả năng tự nhận thức và tự học; năng lực quản lí thời gian và nguồn lực</b>		
2.3.1. Sự kiên trì và linh hoạt: Sinh viên tốt nghiệp thể hiện sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập; có sự tự tin, nhiệt tình và niềm đam mê trong công việc; có khả năng chịu được áp lực trong công việc, đồng thời sẵn sàng để làm việc với những người khác và chấp nhận những quan điểm khác nhau; biết chấp nhận	3.01	3.55

<b>CĐR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên hiện đạt được</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được</b>
những chỉ trích và phản hồi tích cực cũng như biết cân bằng giữa cuộc sống cá nhân và công việc.		
2.3.2. Tư duy sáng tạo: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tiếp cận thực tiễn giáo dục và dạy học của bản thân từ những quan điểm khác nhau để thích nghi với sự đổi mới của môi trường giáo dục	3.02	3.50
2.3.3. Năng lực quản lý thời gian và nguồn lực: Sinh viên tốt nghiệp có thể xác định được tầm quan trọng, tính cấp thiết và thứ tự ưu tiên trong việc thực hiện và chấp hành các nhiệm vụ trong thực tiễn công việc	3.09	3.56
<b>CĐR 2.4. Thể hiện được năng lực nghề nghiệp trong lĩnh vực giáo dục tiểu học như: năng lực tìm hiểu người học và xây dựng môi trường giáo dục; năng lực giáo dục, dạy học và đánh giá người học; năng lực thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp</b>		
2.4.1. Thể hiện được năng lực tìm hiểu người học và xây dựng môi trường giáo dục: Sinh viên tốt nghiệp xác định được các đặc điểm nhận thức và tâm-sinh lí lứa tuổi của học sinh tiểu học và môi trường giáo dục học để từ đó vận dụng những hiểu biết này vào các hoạt động giáo dục và dạy học	3.08	3.58
2.4.2. Thể hiện năng lực giáo dục học sinh tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có thể thiết kế, tổ chức và thực hiện hoạt động giáo dục một cách hiệu quả và phù hợp với bối cảnh thực tiễn nhằm phát triển các phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học	3.11	3.62
2.4.3. Thể hiện năng lực dạy học các môn học ở tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có thể nghiên cứu, thiết kế và tổ chức thực hiện thành thạo và hiệu quả hoạt động dạy học cũng như có khả năng phát triển chương trình các môn học ở tiểu học	3.01	3.60
2.4.4 Thể hiện năng lực đánh giá học sinh tiểu học: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng thiết kế và tổ chức thực hiện hiệu quả các hoạt động nhằm đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh tiểu học, đồng thời sử dụng được kết quả đánh giá để nâng cao chất lượng học tập của học sinh.	3.08	3.61

<b>CĐR NHÓM II. KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên hiện đạt được</b>	<b>Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được</b>
2.4.5 Thể hiện năng lực thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp tự đánh giá được năng lực bản thân trước những yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp và tự học để nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được những sự đổi mới trong lĩnh vực giáo dục tiểu học.	3.07	3.48



Hình 6. Biểu đồ so sánh mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát trên 06 đối tượng

**Nhận xét:**

▪ Đối với nhóm CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, theo kết quả khảo sát, sinh viên cần đạt được ở mức độ từ (c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện cho đến mức (d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới.

▪ Sự chênh lệch giữa mức độ cần đạt được của sinh viên sau khi tốt nghiệp và mức độ hiện đạt được của sinh viên là không lớn. Điều này cho thấy, các PPDH hiện tại là phù hợp cho mục tiêu hình thành và phát triển các năng lực thuộc nhóm CĐR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp cho người học.

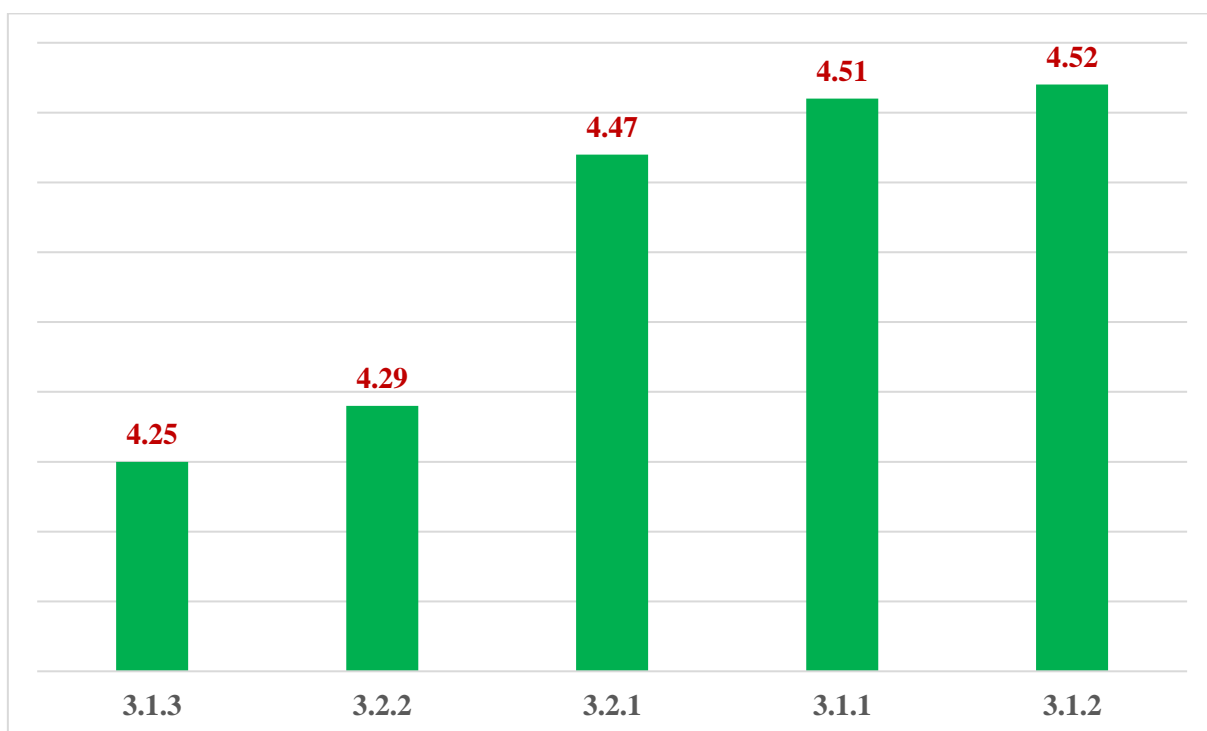
## 2.2.4. Nhóm Chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

### 2.2.4.1. Mức độ cần thiết của nhóm CDR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

Bảng 15. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của nhóm CDR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp

CDR NHÓM 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
<b>CDR 3.1 Thể hiện được năng lực giao tiếp phù hợp, tự tin khi tương tác với các lực lượng giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn hoặc bằng ngoại ngữ trong những bối cảnh giáo dục tiểu học khác nhau</b>							
3.1.1. Lựa chọn và thực hiện được những chiến lược giao tiếp phù hợp, hiệu quả và tự tin trước những thành phần giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn	4.14	4.33	4.69	4.46	4.75	4.69	<b>4.51</b>
3.1.2. Sử dụng thành thạo các hình thức giao tiếp bằng văn bản, lời nói, giao tiếp điện tử và đa phương thức trong các hoạt động nghề nghiệp	4.14	4.33	4.69	4.36	4.75	4.85	<b>4.52</b>
3.1.3. Sử dụng được tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong các hoạt động nghề nghiệp	4.16	4.33	4.33	4.14	3.75	4.77	<b>4.25</b>
<b>CDR 3.2 Thể hiện khả năng hợp tác có mục đích, có tính xây dựng với đồng nghiệp và các thành phần giáo dục khác trong các hoạt động nghề nghiệp và phát triển chuyên môn</b>							
3.2.1. Thể hiện năng lực tổ chức và vận hành các nhóm công việc phục vụ mục đích phát triển phẩm	4.23	4.33	4.56	4.41	4.75	4.54	<b>4.47</b>

CĐR NHÓM 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
chất, năng lực học sinh tiểu học và nghề nghiệp bản thân.							
3.2.2. Thể hiện năng lực lãnh đạo và phát triển các nhóm công việc vào các hoạt động liên quan đến việc phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, và phát triển năng lực nghề nghiệp.	4.14	4.33	4.52	4.30	4.00	4.46	<b>4.29</b>



Hình 7. Mức độ cần thiết của nhóm CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp theo giá trị trung bình các kết quả trả lời khảo sát (sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao)

### **Nhận xét:**

▪ Các CĐR thuộc nhóm Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp đều được đánh giá ở mức độ cần thiết đến rất cần thiết cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học sau khi tốt nghiệp.

▪ CĐR 3.1.2 có giá trị trung bình lớn nhất (4.52), trong khi CĐR 3.1.3 có giá trị trung bình thấp nhất (4.25). Điều này cho thấy việc sử dụng ngoại ngữ trong các hoạt động nghề nghiệp ngành GDTH mặc dù được cho là cần thiết nhưng vẫn kém quan trọng hơn các năng lực giao tiếp khác.

#### **2.2.4.2. Mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp**

Kết quả khảo sát được tổng hợp tại Bảng 16 và Bảng 17.

*Bảng 16. Mức độ năng lực hiện đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát*

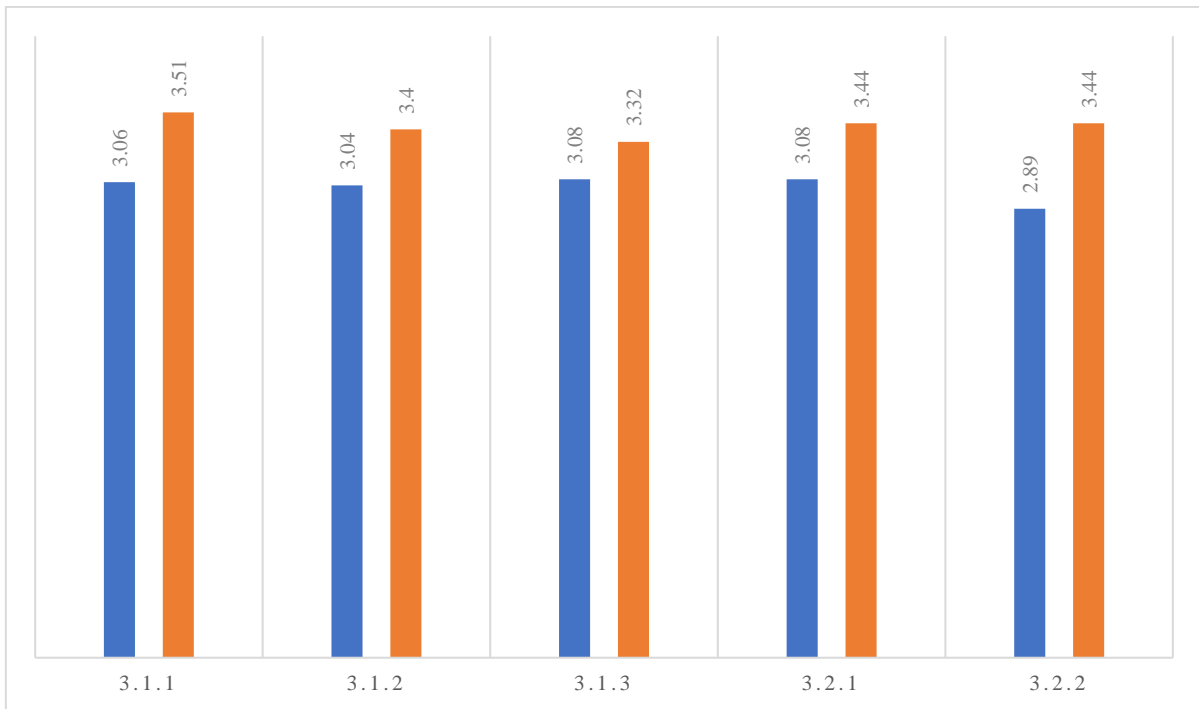
CĐR NHÓM 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	MỨC ĐỘ HIỆN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
<b>CĐR 3.1 Thể hiện được năng lực giao tiếp phù hợp, tự tin khi tương tác với các lực lượng giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn hoặc bằng ngoại ngữ trong những bối cảnh giáo dục tiểu học khác nhau</b>							
3.1.1. Lựa chọn và thực hiện được những chiến lược giao tiếp phù hợp, hiệu quả và tự tin trước những thành phần giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn	3.31	3.00	3.33	3.00	3.33	2.40	<b>3.06</b>
3.1.2. Sử dụng thành thạo các hình thức giao tiếp bằng văn bản, lời nói, giao tiếp điện tử và đa phương thức trong các hoạt động nghề nghiệp	3.27	3.00	3.43	3.00	3.33	2.20	<b>3.04</b>

CĐR NHÓM 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	MỨC ĐỘ HIỆN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
3.1.3. Sử dụng được tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong các hoạt động nghề nghiệp	3.33	3.00	3.29	3.00	3.33	2.50	<b>3.08</b>
<b>CĐR 3.2 Thể hiện khả năng hợp tác có mục đích, có tính xây dựng với đồng nghiệp và các thành phần giáo dục khác trong các hoạt động nghề nghiệp và phát triển chuyên môn</b>							
3.2.1. Thể hiện năng lực tổ chức và vận hành các nhóm công việc phục vụ mục đích phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học và nghề nghiệp bản thân.	3.27	3.00	3.11	3.00	3.33	2.75	<b>3.08</b>
3.2.2. Thể hiện năng lực lãnh đạo và phát triển các nhóm công việc vào các hoạt động liên quan đến việc phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, và phát triển năng lực nghề nghiệp.	3.27	3.00	3.22	3.00	2.67	2.20	<b>2.89</b>

Bảng 17. Mức độ năng lực cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CDR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát

CDR NHÓM 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
<b>CDR 3.1 Thể hiện được năng lực giao tiếp phù hợp, tự tin khi tương tác với các lực lượng giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn hoặc bằng ngoại ngữ trong những bối cảnh giáo dục tiểu học khác nhau</b>							
3.1.1. Lựa chọn và thực hiện được những chiến lược giao tiếp phù hợp, hiệu quả và tự tin trước những thành phần giáo dục khác nhau bằng tiếng Việt chuẩn	3.31	4.00	3.60	3.33	4.00	2.83	<b>3.51</b>
3.1.2. Sử dụng thành thạo các hình thức giao tiếp bằng văn bản, lời nói, giao tiếp điện tử và đa phương thức trong các hoạt động nghề nghiệp	3.21	4.00	3.63	3.33	4.00	2.20	<b>3.40</b>
3.1.3. Sử dụng được tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong các hoạt động nghề nghiệp	3.33	4.00	3.38	3.33	3.67	2.20	<b>3.32</b>
<b>CDR 3.2 Thể hiện khả năng hợp tác có mục đích, có tính xây dựng với đồng nghiệp và các thành phần giáo dục khác trong các hoạt động nghề nghiệp và phát triển chuyên môn</b>							
3.2.1. Thể hiện năng lực tổ chức và vận hành các nhóm công việc phục vụ mục đích phát triển phẩm chất, năng lực	3.14	4.00	3.40	3.33	4.00	2.75	<b>3.44</b>

CĐR NHÓM 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
học sinh tiểu học và nghề nghiệp bản thân.							
3.2.2. Thể hiện năng lực lãnh đạo và phát triển các nhóm công việc vào các hoạt động liên quan đến việc phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, và phát triển năng lực nghề nghiệp.	3.31	4.00	3.80	3.33	3.67	2.50	<b>3.44</b>



Hình 8. Biểu đồ so sánh mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CDR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát trên 06 đối tượng

**Nhận xét:**

- Mức năng lực cần đạt của sinh viên sau khi tốt nghiệp ở nhóm CDR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp nằm từ mức độ (c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện cho đến mức (d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới.
- Mức chênh lệch về năng lực hiện đạt được và cần đạt được của các CDR trong nhóm này không có sự chênh lệch lớn, trong đó CDR 3.2.2 có mức chênh lệch đáng kể nhất- **2.89** và **3.44** (Hình 8).

## 2.2.5. Nhóm Chuẩn đầu ra về năng lực thực hành nghề nghiệp

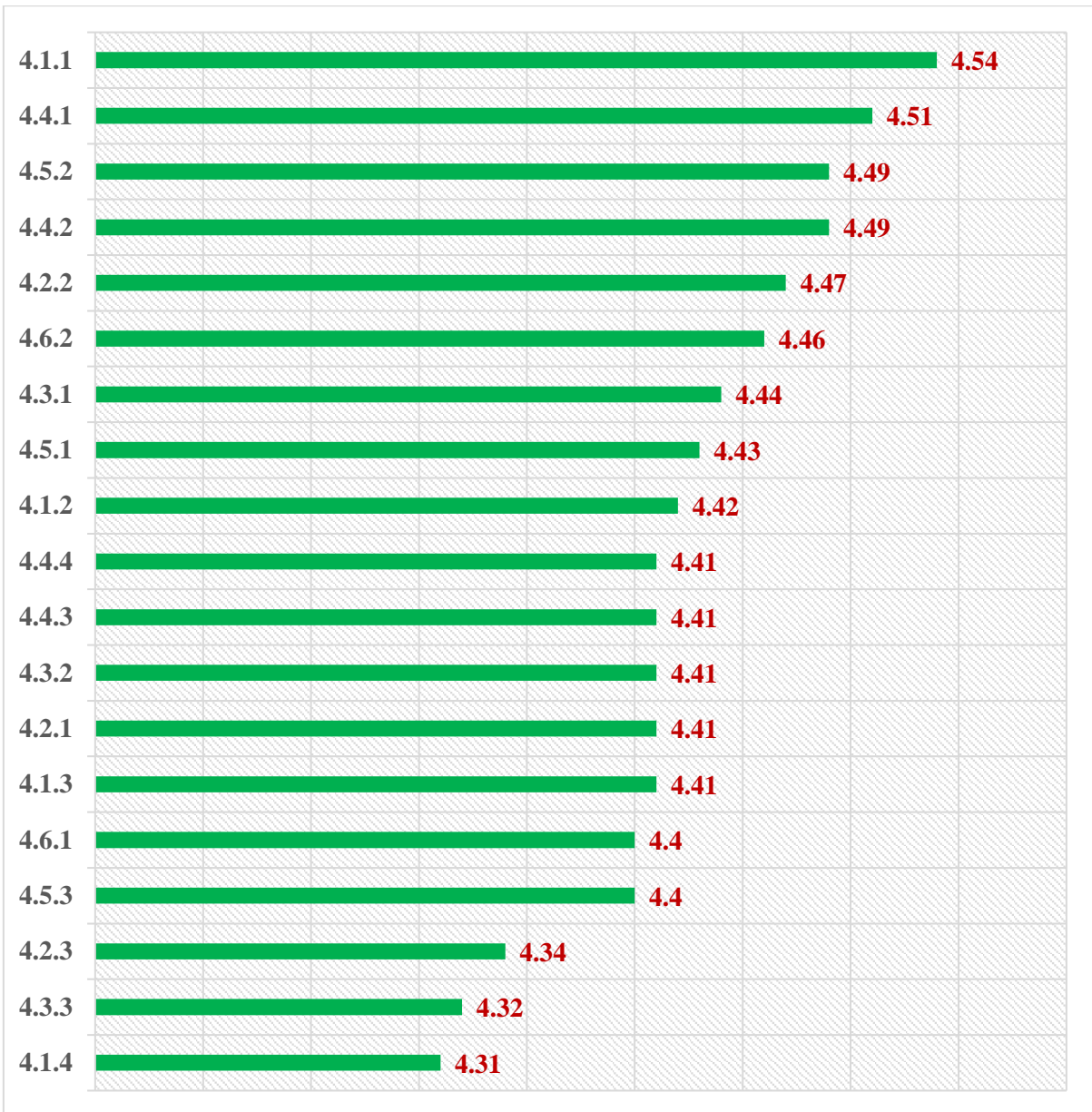
### 2.2.5.1. Mức độ cần thiết của Nhóm CDR về năng lực thực hành nghề nghiệp

Bảng 18. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của nhóm CDR về năng lực thực hành nghề nghiệp

CDR NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
<b>CDR 4.1. Nhận thức được mối liên hệ giữa bối cảnh xã hội và bên ngoài đối với cấp giáo dục tiểu học</b>							
4.1.1. Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục học sinh tiểu học;	4.31	4.33	4.72	4.46	4.75	4.69	<b>4.54</b>
4.1.2. Phân tích được tác động của giáo dục tiểu học đến xã hội	4.29	4.33	4.53	4.34	4.50	4.54	<b>4.42</b>
4.1.3. Xác định được những quy định của xã hội đối với giáo dục tiểu học	4.31	4.33	4.53	4.26	4.33	4.69	<b>4.41</b>
4.1.4. Xác định được bối cảnh văn hoá và lịch sử liên quan đến giáo dục tiểu học;	4.17	4.33	4.43	4.18	4.00	4.75	<b>4.31</b>
<b>CDR 4.2. Xác định được bối cảnh nhà trường tiểu học để phục vụ các hoạt động nghề nghiệp</b>							
4.2.1. Xác định được sự khác biệt văn hoá nhà trường trong các trường tiểu học;	4.32	4.33	4.52	4.24	4.50	4.54	<b>4.41</b>
4.2.2. Xác định được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hoạt động của nhà trường tiểu học	4.34	4.33	4.64	4.39	4.67	4.46	<b>4.47</b>

CĐR NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
4.2.3. Làm việc thành công trong các tổ chức giáo dục	4.28	4.00	4.48	4.31	4.50	4.46	4.34
<b>CĐR 4.3. Thể hiện khả năng hình thành ý tưởng trong thực tiễn hoạt động phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học</b>							
4.3.1. Thiết lập được hệ thống các mục tiêu và yêu cầu của nhiệm vụ trong thực tiễn công việc	4.28	4.33	4.50	4.49	4.50	4.54	4.44
4.3.2. Xác định được chức năng, nguyên tắc và cấu trúc của nhiệm vụ trong thực tiễn công việc	4.32	4.33	4.50	4.35	4.50	4.46	4.41
4.3.3. Mô hình hoá được hệ thống và đảm bảo tính khả thi của mục tiêu nhiệm vụ	4.21	4.00	4.45	4.16	4.50	4.62	4.32
<b>CĐR 4.4. Thể hiện khả năng thiết kế/lập kế hoạch trong thực tiễn hoạt động phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học</b>							
4.4.1. Xây dựng được quy trình thiết kế/lập kế hoạch và cách tiếp cận cho nhiệm vụ thực tiễn	4.26	4.67	4.67	4.50	4.50	4.50	4.51
4.4.2. Lựa chọn được kiến thức cần thiết phục vụ cho việc thiết kế/lập kế hoạch cho nhiệm vụ	4.26	4.33	4.48	4.56	4.50	4.82	4.49
4.4.3. Thiết kế/lập kế hoạch được nhiệm vụ đơn lẻ hoặc phức hợp	4.36	4.33	4.37	4.36	4.50	4.54	4.41

CĐR NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN THIẾT						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
4.4.4. Thiết kế/lập kế hoạch được nhiệm vụ có nhiều mục tiêu (đa mục tiêu)	4.28	4.33	4.39	4.29	4.50	4.67	<b>4.41</b>
<b>CDR 4.5. Thể hiện hiệu quả thực hiện các hoạt động trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>							
4.5.1. Xây dựng được quy trình thực hiện hoạt động trong thực tiễn	4.32	4.50	4.50	4.33	4.25	4.67	<b>4.43</b>
4.5.2. Tổ chức và thực hiện các hoạt động một cách linh hoạt và hiệu quả	4.32	4.50	4.79	4.49	4.25	4.58	<b>4.49</b>
4.5.3. Quản lý, giám sát và điều chỉnh nhiệm vụ khi cần thiết	4.34	4.33	4.50	4.33	4.25	4.62	<b>4.40</b>
<b>CDR 4.6. Thể hiện năng lực đánh giá và cải tiến hiệu quả của các hoạt động trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>							
4.6.1. Đánh giá được hiệu quả của các nhiệm vụ trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học	4.26	4.33	4.57	4.39	4.25	4.62	<b>4.40</b>
4.6.2. Cải tiến chất lượng các nhiệm vụ trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học	4.30	4.67	4.52	4.32	4.50	4.46	<b>4.46</b>



Hình 9. Mức độ cần thiết của nhóm CDR năng lực thực hành nghề nghiệp theo giá trị trung bình các kết quả trả lời khảo sát (sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao)

**Nhận xét:**

- Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết đối với ác CDR thuộc nhóm năng lực thực hành nghề nghiệp ở mức từ cần thiết cho đến rất cần thiết (4.31 đến 4.54).
- Sự chênh lệch nhỏ giữa các giá trị trung bình của kết quả khảo sát trên 6 đối tượng cho thấy tầm quan trọng đồng đều ở các CDR trong nhóm này.

**2.2.5.2. Mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về năng lực thực hành nghề nghiệp**

Kết quả khảo sát được tổng hợp tại Bảng 19 và Bảng 20.

*Bảng 19. Mức độ năng lực hiện đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về năng lực thực hành nghề nghiệp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát*

<b>CĐR NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP</b>	<b>MỨC ĐỘ HIỆN ĐẠT ĐƯỢC</b>						
	<b>Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông</b>	<b>Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn</b>	<b>Giáo viên cốt cán, Giáo viên</b>	<b>Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia</b>	<b>Cựu sinh viên</b>	<b>Sinh viên</b>	<b>Giá trị TB</b>
<b>CĐR 4.1. Nhận thức được mối liên hệ giữa bối cảnh xã hội và bên ngoài đối với cấp giáo dục tiểu học</b>							
4.1.1. Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục học sinh tiểu học;	3.33	2.00	3.44	3.33	3.67	2.40	<b>3.03</b>
4.1.2. Phân tích được tác động của giáo dục tiểu học đến xã hội	3.13	2.00	3.30	3.00	3.33	2.40	<b>2.86</b>
4.1.3. Xác định được những quy định của xã hội đối với giáo dục tiểu học	3.07	2.00	3.13	3.33	3.67	2.40	<b>2.93</b>
4.1.4. Xác định được bối cảnh văn hoá và lịch sử liên quan đến giáo dục tiểu học;	3.14	2.00	2.89	3.00	3.33	2.20	<b>2.76</b>
<b>CĐR 4.2. Xác định được bối cảnh nhà trường tiểu học để phục vụ các hoạt động nghề nghiệp</b>							
4.2.1. Xác định được sự khác biệt văn hoá nhà trường trong các trường tiểu học;	3.40	2.00	3.00	3.00	3.67	2.00	<b>2.84</b>

CĐR NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ HIỆN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
4.2.2. Xác định được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hoạt động của nhà trường tiểu học	3.33	2.00	3.22	3.00	3.67	2.20	<b>2.90</b>
4.2.3. Làm việc thành công trong các tổ chức giáo dục	3.43	2.00	3.25	3.00	3.33	2.20	<b>2.87</b>
<b>CĐR 4.3. Thể hiện khả năng hình thành ý tưởng trong thực tiễn hoạt động phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học</b>							
4.3.1. Thiết lập được hệ thống các mục tiêu và yêu cầu của nhiệm vụ trong thực tiễn công việc	3.29	3.00	3.25	3.00	3.33	2.40	<b>3.04</b>
4.3.2. Xác định được chức năng, nguyên tắc và cấu trúc của nhiệm vụ trong thực tiễn công việc	3.14	3.00	2.88	3.00	3.67	2.20	<b>2.98</b>
4.3.3. Mô hình hoá được hệ thống và đảm bảo tính khả thi của mục tiêu nhiệm vụ	3.07	3.00	2.88	3.00	3.33	2.60	<b>2.98</b>
<b>CĐR 4.4. Thể hiện khả năng thiết kế/lập kế hoạch trong thực tiễn hoạt động phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học</b>							
4.4.1. Xây dựng được quy trình thiết kế/lập kế hoạch và cách tiếp cận cho nhiệm vụ thực tiễn	3.14	3.00	3.22	3.00	3.67	2.40	<b>3.07</b>
4.4.2. Lựa chọn được kiến thức cần thiết phục vụ cho việc thiết kế/lập kế hoạch cho nhiệm vụ	3.21	3.00	3.22	3.00	3.33	2.00	<b>2.96</b>

CDR NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ HIỆN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
4.4.3. Thiết kế/lập kế hoạch được nhiệm vụ đơn lẻ hoặc phức hợp	3.29	3.00	3.00	3.00	3.33	2.40	<b>3.00</b>
4.4.4. Thiết kế/lập kế hoạch được nhiệm vụ có nhiều mục tiêu (đa mục tiêu)	3.43	3.00	3.11	3.00	3.33	2.40	<b>3.05</b>
<b>CDR 4.5. Thể hiện hiệu quả thực hiện các hoạt động trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>							
4.5.1. Xây dựng được quy trình thực hiện hoạt động trong thực tiễn	3.50	3.00	3.38	3.00	3.33	2.40	<b>3.10</b>
4.5.2. Tổ chức và thực hiện các hoạt động một cách linh hoạt và hiệu quả	3.36	3.00	3.38	3.00	3.33	2.00	<b>3.01</b>
4.5.3. Quản lí, giám sát và điều chỉnh nhiệm vụ khi cần thiết	3.29	3.00	3.25	3.00	3.33	2.20	<b>3.01</b>
<b>CDR 4.6. Thể hiện năng lực đánh giá và cải tiến hiệu quả của các hoạt động trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>							
4.6.1. Đánh giá được hiệu quả của các nhiệm vụ trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học	3.29	3.00	3.00	3.00	3.33	2.60	<b>3.04</b>
4.6.2. Cải tiến chất lượng các nhiệm vụ trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học	3.33	3.00	3.00	3.00	3.33	1.80	<b>2.91</b>

Bảng 20. Mức độ năng lực cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CDR về năng lực thực hành nghề nghiệp theo giá trị trung bình của kết quả khảo sát

CDR NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
<b>CDR 4.1. Nhận thức được mối liên hệ giữa bối cảnh xã hội và bên ngoài đối với cấp giáo dục tiểu học</b>							
4.1.1. Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục học sinh tiểu học;	3.20	3.00	3.50	3.33	4.00	2.25	<b>3.21</b>
4.1.2. Phân tích được tác động của giáo dục tiểu học đến xã hội	3.13	3.00	3.56	3.33	4.00	2.40	<b>3.24</b>
4.1.3. Xác định được những quy định của xã hội đối với giáo dục tiểu học	3.27	3.00	3.33	3.33	4.00	2.40	<b>3.22</b>
4.1.4. Xác định được bối cảnh văn hoá và lịch sử liên quan đến giáo dục tiểu học;	3.14	3.00	3.33	3.00	4.00	2.20	<b>3.11</b>
<b>CDR 4.2. Xác định được bối cảnh nhà trường tiểu học để phục vụ các hoạt động nghề nghiệp</b>							
4.2.1. Xác định được sự khác biệt văn hoá nhà trường trong các trường tiểu học;	3.33	3.00	3.75	3.33	4.00	2.67	<b>3.35</b>
4.2.2. Xác định được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hoạt động của nhà trường tiểu học	3.47	3.00	3.86	3.33	4.00	2.40	<b>3.34</b>
4.2.3. Làm việc thành công trong các tổ chức giáo dục	3.46	3.00	3.75	3.33	4.00	2.20	<b>3.29</b>

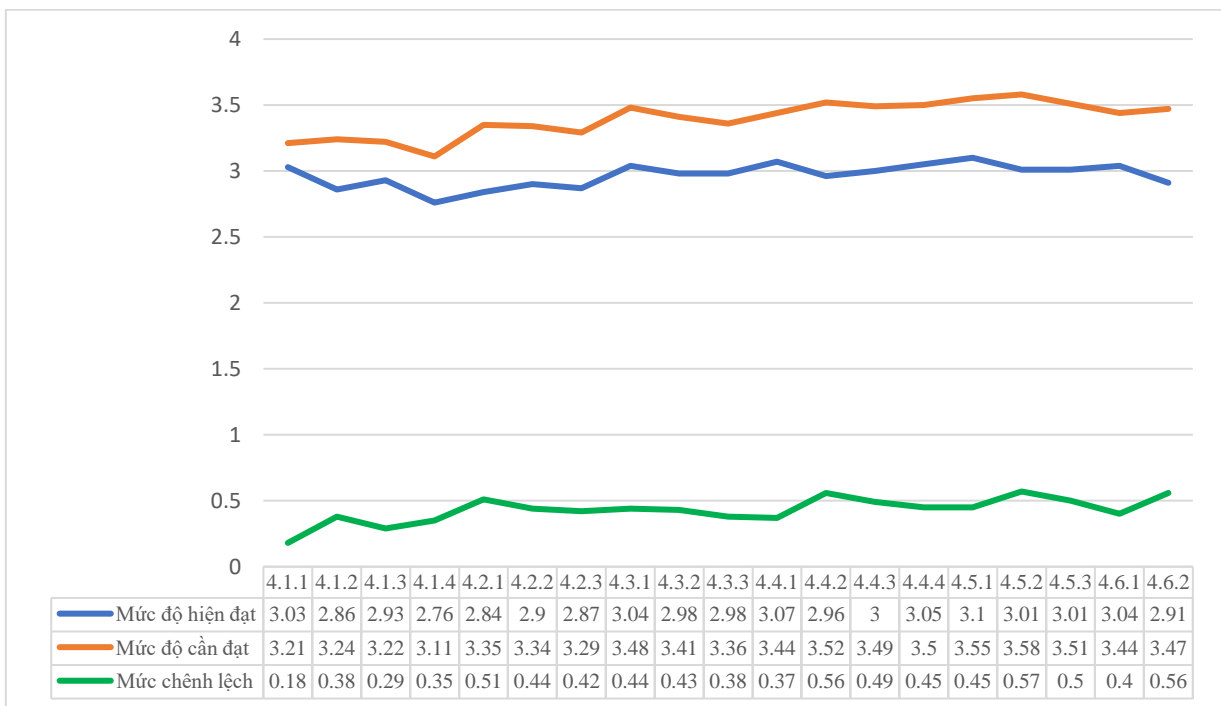
CĐR NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
<b>CDR 4.3. Thể hiện khả năng hình thành ý tưởng trong thực tiễn hoạt động phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học</b>							
4.3.1. Thiết lập được hệ thống các mục tiêu và yêu cầu của nhiệm vụ trong thực tiễn công việc	3.29	4.00	3.50	3.67	4.00	2.40	<b>3.48</b>
4.3.2. Xác định được chức năng, nguyên tắc và cấu trúc của nhiệm vụ trong thực tiễn công việc	3.36	4.00	3.38	3.33	4.00	2.40	<b>3.41</b>
4.3.3. Mô hình hoá được hệ thống và đảm bảo tính khả thi của mục tiêu nhiệm vụ	3.31	4.00	3.50	3.33	4.00	2.00	<b>3.36</b>
<b>CDR 4.4. Thể hiện khả năng thiết kế/lập kế hoạch trong thực tiễn hoạt động phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học</b>							
4.4.1. Xây dựng được quy trình thiết kế/lập kế hoạch và cách tiếp cận cho nhiệm vụ thực tiễn	3.21	4.00	3.67	3.33	4.00	2.40	<b>3.44</b>
4.4.2. Lựa chọn được kiến thức cần thiết phục vụ cho việc thiết kế/lập kế hoạch cho nhiệm vụ	3.36	4.00	3.44	3.33	4.00	3.00	<b>3.52</b>
4.4.3. Thiết kế/lập kế hoạch được nhiệm vụ đơn lẻ hoặc phức hợp	3.36	4.00	3.25	3.33	4.00	3.00	<b>3.49</b>

CĐR NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT ĐƯỢC						
	Lãnh đạo Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông	Chuyên viên Sở GDĐT/ Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn	Giáo viên cốt cán, Giáo viên	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	Cựu sinh viên	Sinh viên	Giá trị TB
4.4.4. Thiết kế/lập kế hoạch được nhiệm vụ có nhiều mục tiêu (đa mục tiêu)	3.43	4.00	3.44	3.33	4.00	2.80	<b>3.50</b>
<b>CDR 4.5. Thể hiện hiệu quả thực hiện các hoạt động trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>							
4.5.1. Xây dựng được quy trình thực hiện hoạt động trong thực tiễn	3.36	4.00	3.63	3.33	4.00	3.00	<b>3.55</b>
4.5.2. Tổ chức và thực hiện các hoạt động một cách linh hoạt và hiệu quả	3.50	4.00	3.63	3.33	4.00	3.00	<b>3.58</b>
4.5.3. Quản lý, giám sát và điều chỉnh nhiệm vụ khi cần thiết	3.43	4.00	3.50	3.33	4.00	2.80	<b>3.51</b>
<b>CDR 4.6. Thể hiện năng lực đánh giá và cải tiến hiệu quả của các hoạt động trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học</b>							
4.6.1. Đánh giá được hiệu quả của các nhiệm vụ trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học	3.36	4.00	3.38	3.33	4.00	2.60	<b>3.44</b>
4.6.2. Cải tiến chất lượng các nhiệm vụ trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học	3.40	4.00	3.50	3.33	4.00	2.60	<b>3.47</b>

Bảng 21. So sánh mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CDR về năng lực thực hành nghề nghiệp theo kết quả khảo sát

<b>CDR NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP</b>	<b>Mức độ năng lực hiện đạt được</b>	<b>Mức độ năng lực cần đạt được</b>
4.1.1. Xác định được vai trò và trách nhiệm của người làm công tác giáo dục học sinh tiểu học;	3.03	3.21
4.1.2. Phân tích được tác động của giáo dục tiểu học đến xã hội	2.86	3.24
4.1.3. Xác định được những quy định của xã hội đối với giáo dục tiểu học	2.93	3.22
4.1.4. Xác định được bối cảnh văn hoá và lịch sử liên quan đến giáo dục tiểu học	2.76	3.11
4.2.1. Xác định được sự khác biệt văn hoá nhà trường trong các trường tiểu học	2.84	3.35
4.2.2. Xác định được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hoạt động của nhà trường tiểu học	2.90	3.34
4.2.3. Làm việc thành công trong các tổ chức giáo dục	2.87	3.29
4.3.1. Thiết lập được hệ thống các mục tiêu và yêu cầu của nhiệm vụ trong thực tiễn công việc	3.04	3.48
4.3.2. Xác định được chức năng, nguyên tắc và cấu trúc của nhiệm vụ trong thực tiễn công việc	2.98	3.41
4.3.3. Mô hình hoá được hệ thống và đảm bảo tính khả thi của mục tiêu nhiệm vụ	2.98	3.36
4.4.1. Xây dựng được quy trình thiết kế/lập kế hoạch và cách tiếp cận cho nhiệm vụ thực tiễn	3.07	3.44
4.4.2. Lựa chọn được kiến thức cần thiết phục vụ cho việc thiết kế/lập kế hoạch cho nhiệm vụ	2.96	3.52
4.4.3. Thiết kế/lập kế hoạch được nhiệm vụ đơn lẻ hoặc phức hợp	3.00	3.49
4.4.4. Thiết kế/lập kế hoạch được nhiệm vụ có nhiều mục tiêu (đa mục tiêu)	3.05	3.50
4.5.1. Xây dựng được quy trình thực hiện hoạt động trong thực tiễn	3.10	3.55

<b>CĐR NHÓM 4. NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP</b>	<b>Mức độ năng lực hiện đạt được</b>	<b>Mức độ năng lực cần đạt được</b>
4.5.2. Tổ chức và thực hiện các hoạt động một cách linh hoạt và hiệu quả	3.01	3.58
4.5.3. Quản lí, giám sát và điều chỉnh nhiệm vụ khi cần thiết	3.01	3.51
4.6.1. Đánh giá được hiệu quả của các nhiệm vụ trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học	3.04	3.44
4.6.2. Cải tiến chất lượng các nhiệm vụ trong thực tiễn nghề nghiệp giáo dục tiểu học	2.91	3.47



Hình 10. Biểu đồ so sánh mức độ năng lực hiện đạt được và cần đạt được của sinh viên đối với nhóm CĐR về năng lực thực hành nghề nghiệp (sắp xếp theo chiều tăng dần về mức chênh lệch giữa mức độ hiện đạt và mức độ cần đạt)

#### **Nhận xét:**

- Mức năng lực cần đạt của sinh viên sau khi tốt nghiệp ở nhóm CĐR về năng lực thực hành nghề nghiệp dao động trong vùng quanh mức độ (c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện cho đến vùng mức độ (d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới.
- Mức chênh lệch về năng lực hiện đạt được và cần đạt được của các CĐR trong nhóm này không có sự chênh lệch lớn, trong đó CĐR **4.6.2** có mức chênh lệch đáng kể nhất- **2.91** và **3.47** (Hình 10).

## 2.2.6. Hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được CDR CTĐT ngành GDTH

### 2.2.6.1. Đề xuất các hình thức, PPDH cần áp dụng để đạt được mục tiêu và CDR

Nội dung đề xuất các hình thức, phương pháp dạy học cần áp dụng để đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra được khảo sát trên đối tượng là Giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia và Cựu sinh viên. Tổng số câu trả lời được ghi nhận là 33, số liệu thống kê các nội dung trả lời được thể hiện ở bảng dưới đây:

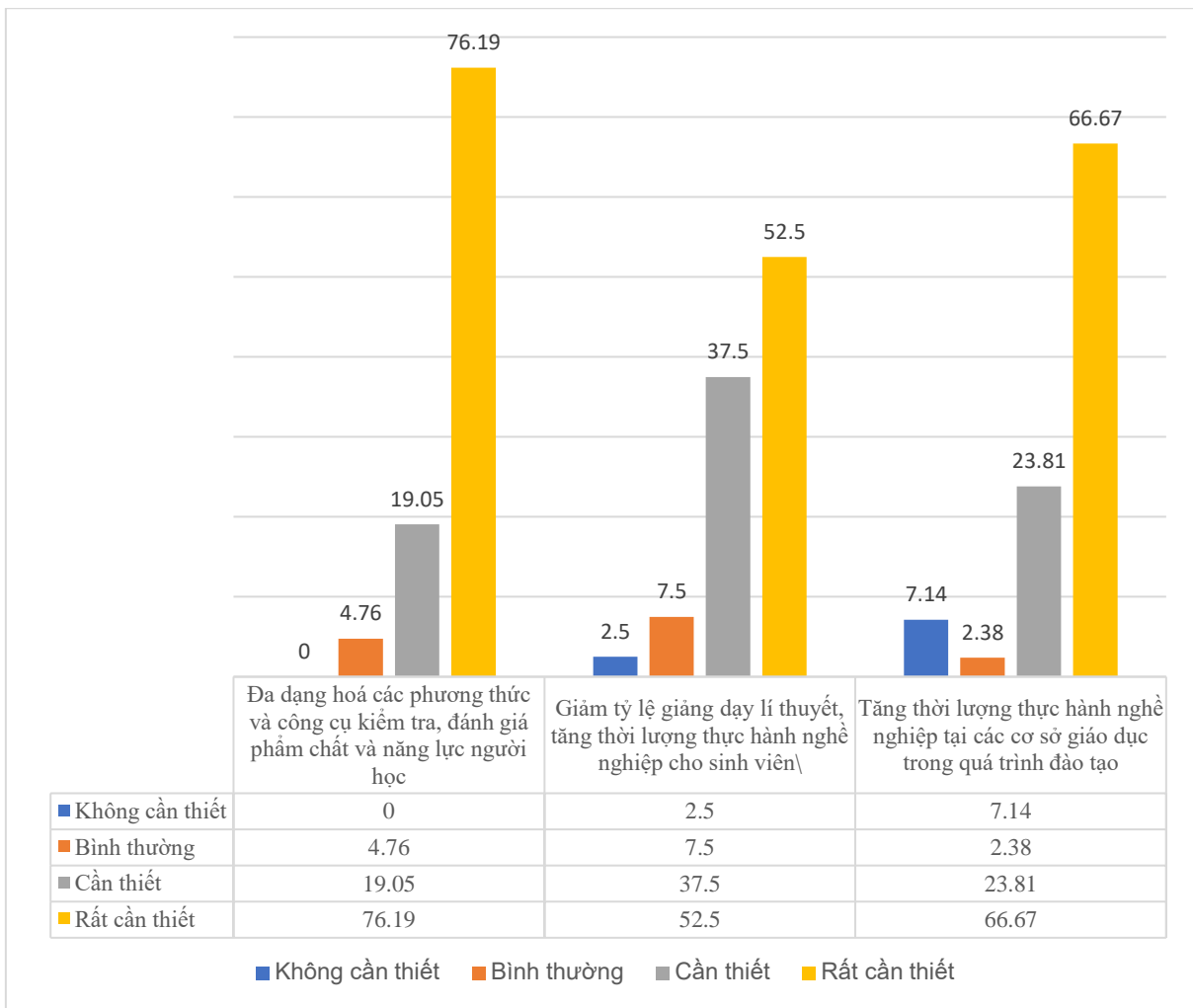
*Bảng 22. Các hình thức, PPDH được đề xuất tổng hợp từ kết quả trả lời khảo sát*

STT	Hình thức, PPDH được đề xuất	Số lượng	Tỷ lệ
1	Đẩy mạnh hình thức làm việc theo nhóm	27	81.82%
2	Dạy học theo dự án	24	72.73%
3	Dạy học giải quyết vấn đề	19	57.58%
4	Dạy học trải nghiệm	15	45.45%
5	Seminar theo các chủ đề	11	33.33%
6	Dạy học tình huống	4	12.12%

### 2.2.6.2. Đề xuất điều chỉnh các nội dung trong PPDH để đạt được mục tiêu và CDR

*Bảng 23. Đề xuất điều chỉnh các nội dung trong PPDH tổng hợp từ kết quả trả lời khảo sát*

Ý kiến	Rất không cần thiết	Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
Đa dạng hoá các phương thức và công cụ kiểm tra, đánh giá phẩm chất và năng lực người học	0	0	4.76%	19.05%	76.19%
Giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên	0	2.5%	7.5%	37.5%	52.5%
Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục trong quá trình đào tạo	0	7.14%	2.38%	23.81%	66.67%



Hình 11. Biểu đồ mô tả các giải pháp được đề xuất điều chỉnh trong PPDH

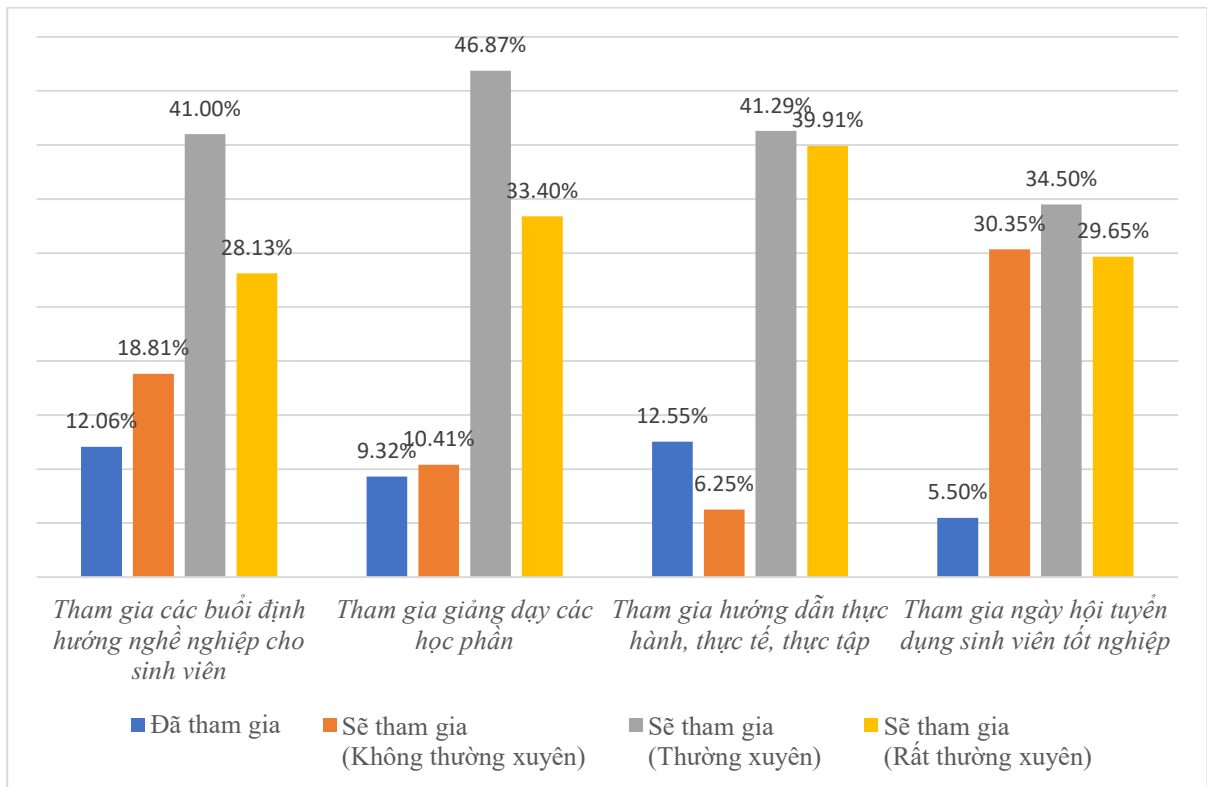
### 2.2.7. Mức độ sẵn sàng tham gia vào quá trình đào tạo ngành GDTH của các bên liên quan

Nội dung khảo sát về mức độ sẵn sàng và các hoạt động sẽ tham gia vào quá trình đào tạo ngành GDTH của các bên liên quan được tiến hành trên 03 nhóm đối tượng là: 1) Lãnh đạo Sở GDĐT/Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông; 2) Chuyên viên Sở GDĐT/Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn; 3) Giáo viên cốt cán, Giáo viên.

Bảng 24. Mức độ và các hoạt động tham gia vào quá trình đào tạo ngành GDTH của nhóm đối tượng được khảo sát

Câu trả lời	Đã tham gia	Sẽ tham gia (Không thường xuyên)	Sẽ tham gia (Thường xuyên)	Sẽ tham gia (Rất thường xuyên)
Tham gia các buổi định hướng nghề nghiệp cho sinh viên	12.06%	18.81%	41.00%	28.13%
Tham gia giảng dạy các học phần	9.32%	10.41%	46.87%	33.40%

Câu trả lời	Đã tham gia	Sẽ tham gia (Không thường xuyên)	Sẽ tham gia (Thường xuyên)	Sẽ tham gia (Rất thường xuyên)
Tham gia hướng dẫn thực hành, thực tế, thực tập	12.55%	6.25%	41.29%	39.91%
Tham gia ngày hội tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp	5.50%	30.35%	34.50%	29.65%



Hình 12. Biểu đồ mô tả mức độ và các hoạt động tham gia vào quá trình đào tạo ngành GDTH của nhóm đối tượng được khảo sát

### **III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1.**

*Nghệ An, ngày tháng 5 năm  
2021*

**Trưởng Bộ môn**

## **PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1. Mẫu phiếu khảo sát dành cho Lãnh đạo Sở GDĐT/Phòng GDĐT, BGH trường phổ thông**

**Phụ lục 2. Chuyên viên Sở GDĐT/Phòng GDĐT, Tổ trưởng chuyên môn**

**Phụ lục 3. Giáo viên cốt cán, Giáo viên**

**Phụ lục 4. Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia**

**Phụ lục 5. Cựu sinh viên**

**Phụ lục 6. Sinh viên**